

# TỪ NGỮ KINH THÁNH

## NĂM C

Lm. Phaolô Phạm Quốc Túy- Gp. Phú Cường

### TỈNH THỨC

*(CNI M V C – Lc 21,36)*

Tỉnh thức là bỏ giấc ngủ đêm, để làm việc (Kn 6,15) hay để khỏi bị tấn công bất ngờ (Tv 127,1). Theo nghĩa ẩn dụ, tỉnh thức là canh phòng, là chiến đấu chống lại sự hôn mê hoặc bất cẩn, để đạt đích (Cn 8,34). Đối với Kitô hữu, tỉnh thức là sẵn sàng đón tiếp Chúa trong Ngày Người đến.

Kết thúc bài giảng về những điều sau hết, Chúa Giêsu đưa ra lời dặn dò chính yếu : “Hãy tỉnh thức luôn” (Lc 21,5-36 và ss) Kitô hữu tin “Người sẽ lại đến trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết” (Mt 16,27-28). Thời điểm thật quan trọng, lúc ấn định số phận vĩnh cửu của mỗi người. Nhưng người ta lại “không biết giờ nào chủ các người đến” (Mt 24,12). Tính bất chợt của sự hiện diện được ví von như lúc kẻ trộm đến ban đêm (Mt 24,43) hay như lúc chủ trở về nhà giữa đêm khuya mà không báo trước (Mc 13,35). Vì vậy mà như các trinh nữ chờ vào tiệc cưới, phải luôn sẵn sàng (Mt 25,1-13)

Tỉnh thức sẵn sàng như vậy là phải dứt bỏ những khoái lạc và của cải thế trần (Lc 21,34) nghĩa là phải tỉnh thức điều độ để không thuộc về đêm, cũng không thuộc về bóng tối (1Tx5,5). Tích cực hơn, tỉnh thức là “mặc lấy đức tin và đức mến làm áo giáp, và lòng trông cậy cứu độ là mũ chiến” (5,8). Con căm dỗ ngủ vùi thật nguy hiểm và chính Chúa Giêsu tha thiết kêu gọi “hãy tỉnh thức và cầu nguyện để khỏi sa chước cám dỗ” (Mt 26,14). Các tông đồ cùng chung một lời khuyên như vậy (1Cr 16,13 Cl 4,2 Ep 6,10-20 1Pr 5,8), bởi “phúc cho ai tỉnh thức và giữ nguyên trang phục” (Kh 16,15), họ sẽ nhập vào đoàn người cùng khải hoàn với Chúa.

## PHÉP RỬA CỦA GIOAN

(CN II M V C – Lc 3,3).

Thánh Gioan “kêu gọi người ta chịu phép rửa tỏ lòng sám hối” (Lc3,3). Danh từ phép rửa có nghĩa là “dìm, rửa”. Trong các tôn giáo, nước được dùng để chỉ sự thanh tẩy và sự sống, nhưng sự tương đồng của việc dìm, rửa với bí tích Kitô giáo chỉ có tính cách bên ngoài.

Vai trò thanh tẩy của nước nổi bật trong Cựu Ước, như biển cố lựt (1Pr 3,20) hay cuộc vượt qua Biển Đỏ (1Cr 10,1tt). Các tiên tri loan báo tính thanh tẩy của nước (Dcr 13,1) và cả tính cánh chung với ân huệ của Thiên Chúa (Ed 36,24-28 Tv 51,1-12tt). Do thái giáo sau này tăng thêm nhiều nghi thức tẩy rửa tỉ mỉ đến thái quá (Mc 7,15). Các Rabbi làm phép rửa cho người tân tòng (Mt 23,15)

Thánh Gioan làm phép rửa nhằm tháp nhập vào hậu duệ của Abraham (Mt 3,9), vào nhóm còn lại của Israel (Mt 37,10) đón chờ Đấng Cứu Thế đang đến. Đó là phép rửa nhằm đạt sự thống hối và ơn tha thứ (Mc 1,4). Nó bao hàm việc thú nhận tội lỗi và nỗ lực hoán cải (Mt 3,6tt), nhưng không buộc phải bỏ nghề nghiệp và nhiệm vụ như thu thuế, quân sự (Lc 3,10-14)

Phép rửa của Gioan chỉ có tính chất tạm thời, chuẩn bị cho phép rửa của Đấng Cứu Thế trong Thánh Thần và lửa (Mt 3,11 Cv 1,5 11,6 19,3).

## NIỀM VUI

(CN III M V C – Sp 3,14 Pl 4,4)

Trong bầu khí mùa Vọng, Chúa Nhật III mời gọi “hãy vui lên” (Pl 4,4). Chính mặc khải về Thiên Chúa tạo dựng và cứu độ khơi lên niềm vui trong lòng người : có những niềm vui tự nhiên của cuộc đời, nhưng chính Chúa mới là nguồn vui viên mãn, bất diệt (Tv 95,1)

Niềm vui là đề tài quan trọng trong Cựu Ước, nhất là trong các Thánh vịnh. Rất tự nhiên, người ta vui khi được đầy đủ về vật chất (Tv 104, 15), khi nhìn được kết quả mình làm ra (Gv 3,22), lúc ăn uống lần khi nhàn rỗi (2,24 3,12tt). Vui hơn nữa khi được đoàn tụ với hiền thê (Gv 9,9) với đức hạnh và sự duyên dáng của nàng (Cn 5,18 Hc 26,2.13). Đông con nhiều cháu cũng là nguồn hoan lạc (1Sm 2,1-5 Tv 113,9). Cũng có những niềm vui kín đáo, không nói ra được (Cn 14,10), nhưng lại là nguồn sức mạnh (Cn 17,22 Tv 5,12 33,21). Giêrêmia còn ngẫu nhiên lời Chúa là niềm vui của tâm hồn (Gr 15,16).

Lên án những thú vui đồi trụy (Cn2,4), nhất là khi kẻ ác vui vì thấy người hiền gặp nạn (Tv 13,5 35,26). Thiên Chúa ban cho dân Ngài niềm hoan lạc cao quý hơn. Cộng đoàn vui mừng phụng sự Chúa (Tv 33,1), được ở trước nhan Người (Đnl 12,18), được Chúa nhận làm vua của họ (Tv149,2). Những người khiêm nhường kết thành đoàn dân đích thực của Chúa (Tv 149,4t) và đặt niềm vui trong Chúa (Tv 33,21 37,4), họ được hỉ hoan (Tv 34,3 69,33 70,5 105,3), niềm hỉ hoan có chiều hướng vĩnh cửu (Tv 16,9tt).

Trong các sách Phúc Âm chất đầy niềm vui Chúa Giêsu mang đến. Đức Maria (Lc 1,46) Gioan Tẩy Giả (Lc 1,44) vui mừng khi Chúa Giêsu còn trong lòng thân mẫu. Khi Người sinh ra, các thiên thần kêu gọi (Lc 2,10) vui mừng, cả Abraham cũng mong mỗi ngày này (Ga 8,56). Xuất hiện công khai, Israel vui mừng như Tân Nương gặp Tân Lang (Ga 19,37). Các tông đồ vui vì được ghi tên trên trời (Lc 10,20). Ngay giữa các nghịch cảnh họ vẫn vui, vì buồn rầu có thể biến đổi thành niềm vui (Ga 16, 19-22). Niềm vui ấy thành hiện thực khi Chúa Giêsu sống lại, nhất là lên trời (Lc 24,52). Từ đó, các ông còn vui mừng khi được chịu đau khổ vì Thầy (Cv 5,41). Với thánh Phaolô, niềm vui gắn với niềm tin và nảy sinh ngay giữa đau khổ (Cv 13,52 16,25 2Cr 7,4 Cl 1,11-24).

Dĩ nhiên, niềm vui Kitô giáo sẽ đạt cao điểm trong ngày chung thẩm, ngày Chúa lại đến trong vinh quang chiến thắng quyền lực sự dữ (Kh 19,1-8).

## **NHÓM CÒN LẠI**

*(CN IV MVC)*

Chúa đến thiết lập Nước Chúa và ai sẽ thuộc về Nước này ? Nhóm còn lại, thời cổ xưa, kẻ bại trận thường bị tiêu diệt (bị giết hoặc bị lưu đày). Thiên Chúa đã hứa cho Abraham được con đàn cháu đống (St 12,3), cho nhà Đavít mãi tồn tại (Tv 2,8 110,1). Nhưng Israel lại ở giữa các lân bang hùng mạnh nên thường bị đe dọa. Chính bối cảnh này làm nảy sinh đề tài “Nhóm còn lại”.

Từ “Nhóm còn lại” có thể chỉ đại họa (Is 10,22 Gr 11,23), hoặc niềm hy vọng nhờ sự sống sót của Nhóm còn lại (Gr 40,11). Từ xa trước, Noe được gọi là “Còn lại” (Hc 44,17). Trước lưu đày, Amos cho biết các thử thách làm giảm bớt số dân (Am 5,15) và trong viễn tượng cánh chung, Israel sẽ giảm xuống thành nhóm nhỏ (3,12 5,3), chỉ còn những người công chính (9,8tt). Theo Isaia, Nhóm còn lại sẽ thông phần sự thánh thiện của Thiên Chúa (Is 4,3), làm nền tảng hình thành Nước

Chúa (28,16). Xôphônia cho biết Nhóm còn lại là những người nghèo (Xp 3,12), họ quy tụ quanh Đấng Messia (Is 10,21 x 9,5. Họ sẽ được tôi luyện và thành một nước hùng mạnh (mt 4,70. Giêrêmia dùng từ Nhóm còn lại để chỉ những người thoát cảnh lưu đày (Gr 40,11), nhưng chính những người bị lưu đày lại được hưởng lời hứa về Đấng Messia (24,1-6 23,3 31,7). Từ đó, Nhóm còn lại tách rời khỏi cộng đoàn trần thế, khỏi quốc gia Giuđêa. Edêkien cũng theo chiều hướng đó, khi cho rằng những người sống sót sau tai họa năm 587 không tốt hơn những người chết (Ed 6,8-12.15 14,12). Chỉ người công chính mới được cứu thoát (9,4tt) và cuộc phán xét chung mới tách rời kẻ bất lương khỏi “Nhóm còn lại” thánh thiện (20,38 34,20).

Như vậy, từ “Nhóm còn lại” có hai ý nghĩa : đó là “Nhóm sống sót” (Am 5,15 Is 37,4 Gr 6,9 Ed 9,8), hoặc Nhóm còn lại thời cánh chung (Mk 5,6 Xp 3,12 Is 4,4 Gr 23,3). Từ cuộc lưu đày, Nhóm còn lại là nhóm trung thành và Tân Ước đặt tên này cho họ (Rm 11,5). Thực sự Nhóm còn lại đã xuất hiện dưới tên “Israel tôi tớ Giavê” (Is 49,3) mang sứ mạng đối với toàn dân (49,5). Trong nhóm, Người tôi tớ là hiện thân và mang vận mạng của Nhóm. Người hoàn thành sứ mạng bằng cái chết cứu chuộc (52,13 53,12). Cả Israel, cả chư dân sáp nhập vào Nhóm còn lại, kết tụ nơi một Đấng Messia (49,6 53,11).

Nhóm còn lại trung thành được áp dụng cho thành phần dân Chúa tin vào Đức Kitô (Rm 11,5 Mt 3,9-12 22,14 Lc 12,32 Ga 1,11 1,47 Rm 2,28 1Cr 10,18 Gl 6,16) Nhóm còn lại bây giờ là Giáo Hội (Rm 9,11).

## **NGÔI LỜI LÀ ÁNH SÁNG THẬT**

*(LỄ GIÁNG SINH - LỄ BAN NGÀY Ga 1,9)*

Sau khi được tách khỏi hỗn mang nguyên thủy (St 1,1-5) ánh sáng soi chiếu địa cầu ngày và đêm (1,14-19). Thiên Chúa sai đi và gọi về, ánh sáng run rẩy vâng phục (Br 3,33). Tối tăm cũng ở tình trạng tương tự (Is 45 Am 4,13). Vì vậy, cả ánh sáng lẫn tối tăm đều chúc tụng Đấng Tạo Hóa (Tv 19,2 148,3). Ánh sáng ở với Thiên Chúa, bao quanh Ngài (Tv 104,2) . Ánh sáng là yếu tố diễn tả việc thần hiển (St 15,17 Xh 19,18 Ed 1,13).

Như bóng tối là nơi cư ngụ của vong nhân (G 10,22), ánh sáng gắn liền với sự sống (Tv 56,14). Hơn nữa, như trí thức là ánh sáng dẫn đường, người tôi trung của Thiên Chúa sẽ nên ánh sáng cho muôn dân (Is 42,6 49,6). Với những ý nghĩa trên, ánh sáng là yếu tố cứu độ thời Thiên Sai : dân đi trong tăm tối được thấy ánh sáng (Is 9,1 58,8). Đêm

tối không còn nữa (Is 49,9), chính Thiên Chúa sẽ là ánh sáng cho dân Người (Dcr 14,7 và Is 60,19-20).

Chúa Giêsu đến, hoàn thành những điều các tiên tri đã loan báo trước (Mt 4,16). Ngài là mặt trời chiếu soi những ai ngồi trong tối tăm (Lc 1,78 Mt 3,20 Is 8,1 42,7), là ánh sáng chỉ đường cho muôn dân (Lc 2,32 Is 42,6 49,6). Người sống lại, chính là để loan báo ánh sáng cho các dân tộc và các dân ngoại (Cv 26,23). Chính Chúa Giêsu cũng tự mặc khải là ánh sáng thế gian (Ga 9,5) và giải thích thêm : “Ai theo Ta, không đi trong tối tăm, nhưng sẽ có ánh sáng sự sống” (Ga 8,12 12,46). Là ánh sáng đích thực chiếu soi mọi người (1,9). Chúa Giêsu phải trải qua bi kịch vì thế gian tội lỗi cố dập tắt ánh sáng (3,9). Ra khỏi nhà tiệc ly để nộp Chúa, Giuđa đi vào bóng đêm (13,30) và giờ Chúa Giêsu bị bắt, lúc ấy là giờ của quyền lực tối tăm (Lc 22,53).

Trong cuộc xung đột giữa ánh sáng và tối tăm, loài người có thể thành con cái tối tăm hay con cái ánh sáng (Lc 16,8), là dân của Nước Chúa, chúng ta đến cùng ánh sáng (Ga 3,19), tin vào ánh sáng để nên con cái sự sáng (Ga 12,36) và sẽ được chiêm ngắm nhan Chúa, được ánh sáng Người chiếu dọi (Kh 22,4).

## **GIA ĐÌNH**

*(LỄ THÁNH GIA THẤT)*

Gia đình thời tổ phụ gồm người cha và các thê thiếp, các con chưa lập gia đình, các con trai có gia đình và thê thiếp, các gia nhân và cả những người nước ngoài sống ở đó (St 46,8-26). Gia đình nền tảng của gia tộc. Người cha nắm quyền sát sinh đối với mọi người trong gia đình (St 38,24 Xh 21,7) của cái gia đình không thể chuyển nhượng và tội giết người sẽ bị đền trả.

Gia đình sau này chỉ gồm cha mẹ, con cái chưa lập gia đình (2Sm 13,7 8,20) và các nô lệ, các người làm công. Luật pháp hạn chế việc lấy máu đền máu. Quả phụ, người mồ côi phải tự xoay sở (Is 1,17 Gr 7,6). Người dân Israel không buộc phải chuyển nhượng tài sản gia đình (1V 21)

Trong Tân Ước, gia đình xem ra có vai trò quyết định đối với các phân tử gia đình, chẳng hạn các cuộc trở lại của cả gia quyền viên đại đội trưởng (Ga 4,53), của gia đình lính áp giải Phaolô (Cv 16,34), của gia đình ông trưởng hội đường ở Corintô (Cv 18,8)

Cần ghi nhận là gia đình Chúa Giêsu ngăn cản Người thi hành sứ vụ (Mc 3,21), nhưng sau lại muốn lợi dụng danh tiếng của Người (Ga

7,2-5) Chúa Giêsu hòa giải vấn đề bằng việc mời gọi mọi người hướng tới gia đình lớn hơn, gia đình con cái Thiên Chúa (Mc 3,31-35 Mt 10,35-37).

Gia đình Thiên Chúa là điều có thực (Ep 2,19) : Chúa Kitô là trưởng tử của đàn em đông đảo (Rm 8,29) và các Kitô hữu là những kẻ thừa tự với Đức Kitô (Rm 8,17). Được tái sinh (Ga 3,5 1Cr 4,15 Gl 4,19), nghĩa là Thiên Chúa kêu gọi, được Ngôi Lời Nhập thể cứu chuộc và được Thánh Thần thánh hóa, người Kitô hữu thực sự là người nhà của Thiên Chúa.

## **ĐẠO SĨ – NHÀ CHIÊM TINH – BA VUA**

*(CN LỄ HIỂN LINH C)*

Việc các đạo sĩ đến Belem là kỷ niệm nhắc nhở trong lễ Hiển Linh. Họ là ai ?

“mấy nhà đạo sĩ từ Phương Đông đến Giêrusalem” (Mt 2,1) lên tiếng hỏi “Đức vua dân Do Thái mới sinh hiện ở đâu ? Chúng tôi đã thấu ngôi sao của Người xuất hiện ...” (2,2). Sự kiện trên khiến người ta nghĩ tới các tư tế Ba Tư chuyên về thiên văn vẫn nghĩ sao trời làm chủ sức mạnh huyền bí. Từ đạo sĩ (mago có thể chỉ một loại phù thủy (x. Cv 8,9 13,6)

Chân dung của “các đạo sĩ từ phương Đông” không được xác định, có thể là những người thờ thần Mithra là những vị vua (theo hội họa) con số các vị được trình bày có khi là 2 (nghĩa thánh Phêrô và Marcellinô), có khi là 4 (nghĩa Đômítô). Con số 3 vị là căn cứ vào lễ vật và điểm này lại do ảnh hưởng của Is 60,5. Lễ vật các vị dâng là vàng, hương, và mộc dược, được các giáo phụ coi là giá trị biểu trưng vương quyền và thần linh của Chúa Giêsu.

Sự kiện các đạo sĩ đến dâng lễ vật cho Chúa Hài Đồng được coi là ứng nghiệm lời sấm của tiên tri : các dân sẽ tôn vinh Thiên Chúa (Is 60,5).

## **PHÉP RỬA CỦA CHÚA GIÊSU**

*(CN LỄ CGS CHỊU PHÉP RỬA)*

“Khi toàn dân chịu phép Rửa, Chúa Giêsu cũng chịu phép rửa” (Lc 3,21)

Phép rửa của Gioan là phép rửa thống hối, nhằm đến sự hoán cải và ơn tha thứ (Lc 3,3 Mc 1,4). Đáng ngạc nhiên là chính Chúa Giêsu đã

đến với Gioan và lãnh phép rửa của ông. Làm như vậy, Người muốn tuân phục ý Cha (Mt 3,14) và khiêm tốn xếp mình vào hàng tội nhân, vì “là Chiên Thiên Chua, Đấng xóa bỏ tội trần gian” (Ga 1,29). Vậy phép Rửa của Chúa Giêsu ở bờ sông Giođan báo trước cũng như chuẩn bị phép Rửa “trong cái chết” của Người (Ic 12,50 Mc 10,38) và đời sống công khai của Người đóng khung giữa hai phép rửa này.

Kết thúc phép Rửa Gioan làm cho Chúa Giêsu, Thánh Thần ngự xuống dưới hình chim bồ câu và Chúa Cha tuyên bố tử hệ Thần Linh của Chúa Giêsu. Việc này vừa cho thấy lời sấm của Is 11,2 42,1 61,1 được ứng nghiệm, vừa loan báo lễ Ngũ Tuần sẽ khai mào phép Rửa trong Thánh Thần cho Giáo Hội (x.Cv 1,5 11,16) và cho mọi người sẽ nhập vào Giáo Hội (Ep 5,25-32 Tt 3,5tt). Còn lời tuyên nhận tử hệ Thần Linh của Chúa Giêsu, cũng là lời loan báo việc tham dự của các tín hữu vào tử hệ này, như hiệu quả của ân ban Thánh Thần (x.Gl 4,6). Thật vậy, khi Chúa Giêsu chết đi và sống lại, nhân tính Chúa Giêsu lãnh nhận viên mãn Thánh Thần (1Cr 15,45), sẽ thông ban Thánh Thần cho những ai tin vào Người.

Chiêm ngưỡng phép Rửa của Chúa Giêsu, chắc chắn chúng ta phải nghĩ tới phép rửa của Kitô hữu, có sự liên kết Thánh Thần, nước và máu (x. 1Ga 5,6-8) phép Rửa trong Thánh Thần và lửa (Mt 3,11).

## **RƯỢU**

*(CN II TN C – Ga 2,3.9.10)*

Rượu nho cùng với lúa mì và dầu là thành phần thực phẩm hằng ngày tại Thánh địa (Đnl 8,8 11,14 1Sbn 12,41). Rượu làm vui thích lòng người (Tv 104,15 Tl 9,13) nên nó là yếu tố trong bữa tiệc của Đấng Mêsia, là bữa Tiệc Thánh Thể.

Trong đời sống thường nhật, khi gán cho ông Noe là người phát minh ngành trồng nho và cho thấy ông bị say vì rượu nho (St 9,20t), truyền thống Gia-vít cho thấy rượu nho vừa tốt lành vừa nguy hại. Là dấu chỉ của sự thịnh vượng (St 49,11t Cn 3,10), rượu nho làm vui đời sống (Hc 32,6 40,20), khi biết dùng cách điều độ (31,27-29...)

Trong đời sống phụng tự, rượu nho có một địa vị riêng. Người ta đã mang rượu đến đền thánh ở Silô (1Sm 1,24). Rượu nho được dùng trong hy lễ (Hs 9,4 Xh 29,40 Ds 15,5-10), là một trong các của đầu mùa dâng cho các tư tế (Đnl 18,4 Ds 18,12). Sau cùng, nó cũng giữ một vai trò quan trọng trong giao ước mới chấm dứt nghi thức cũ.

Về phương diện tôn giáo, biểu trưng của rượu nho nằm trong viễn ảnh cánh chung. Phạt dân, Thiên Chúa cho biết họ sẽ không còn được uống rượu nho (Am 9,14 Mca 6,15 Xp 1,13) và chỉ còn rượu giận dữ, choáng váng (Is 51,17 Kh 14,8 16,19). Ngược lại, hạnh phúc dành cho tín hữu được diễn tả dưới hình thức đầy rượu (Am 9,14 Ds 2,24 Gr 31,12 Is 25,6 ...) Trong Tân Ước, rượu mới biểu hiện thời của Đấng Mêsia. Giao Ước mới là rượu mới làm vỡ bình cũ (Mc 2,22). Tại Cana, rượu mới là dấu chỉ niềm vui khách mong đợi (Ga 2,10 4,23 5,25). Sau cùng, rượu mới gọi lên tiệc cánh chung (Mt 26,29), rượu đã trở thành máu Chúa đổ ra (1Cr 10,16). Kitô hữu dùng rượu để tạ ơn (Cl 3,17) và còn để nhắc nhớ đến hy lễ là nguồn cứu độ và nguồn vui vĩnh cửu (1Cr 11,25tt).

## TIN MỪNG

*(CN 3 TN C - Lc 4,18)*

Đối với người Công giáo, Tin Mừng (Phúc Âm), chỉ bản văn kể lại cuộc đời Chúa Giêsu mà thánh lễ thường đọc một trích đoạn. Theo nghĩa thường của người Hy Lạp, tin mừng có nghĩa là tin tốt, tin lành, tin vui đặc biệt tin chiến thắng.

Từ Tin mừng trong tiếng Do thái thường dùng loan báo cái chết của kẻ thù (2Sm 18,1t.9), chiến thắng (Tv 68,12), sự giải cứu Giuđa (Nk 2,1). Từ này mang giá trị tôn giáo đặc biệt trong Is 40,66 dứt cảnh lưu đày và Nước Thiên Chúa sắp đến (52,7), Thiên Chúa trở lại với Sion (40,1t.9). Tin Mừng này quả là một sức mạnh thần linh trong hành động (52,1t), được rao trên núi (40,9), liên hệ đến mọi dân (52,10 Tv 96,2).

Chúa Giêsu áp dụng cho mình đoạn Is 61,1t được xúc dầu để loan Tin Mừng cho người nghèo khổ, khi Người rao giảng tại hội đường Nagiarét (Lc 4,16-21), khi trả lời các sứ giả của Gioan Tẩy Giả (1t 11,4t). Tin Mừng là chính Chúa Giêsu (Mc 1,1). Vì vậy, khi Chúa Giêsu sinh ra, các thiên thần loan báo đó là tin mừng (Lc 2,10t). Với Người, triều đại Thiên Chúa hiện diện (Mt 12,28) và ai bỏ mình “vì tin mừng” sẽ nhận được gấp trăm ngay ở đời này (Mc 10,30). Dân vây quanh muốn giữ Người lại, nhưng Tin Mừng Nước Thiên Chúa phải được loan truyền rộng rãi (Lc 4,43).

Đáp lại Tin Mừng, phải có lòng thông hối và lòng tin (Mc 1,15) người nghèo (Mt 5,3tt), kẻ bé mọn (Mt 11,28 Lc 9,48) và ngay các tội nhân (Lc 15,1t 18,9-14), dân ngoại (Mt 8,10t 15,21-28) đều là những môn đồ của Tin Mừng (Mt 9,36 14,14 Lc 7,47-50 19,1-10).



## TIÊN TRI

(CN 4 TN C – Gr 1,5 Lc 4,24)

Từ tiên tri, bản bảy mươi dịch là propheter với ý nghĩa “người nói thay Thiên Chúa” (vì vậy người ta thích dịch là ngôn sứ). Tiếng Do thái hay dùng từ “nabi”, một từ không rõ nguyên nghĩa, có lẽ để chỉ những người hành nghề chuyên nghiệp (Ds 22,5 Đn 2,2 4,3), không được Thiên Chúa linh ứng (1V 18,22). Nhưng cạnh từ nabi, người ta cũng dùng các tước hiệu “người thị kiến” (1Sm 9,9), “người linh kiến” (Am 7,12). Và trong Do thái giáo có một truyền thống tiên tri thực sự.

Tước hiệu tiên tri đã được đặt cho Abraham (St 20,7). Riêng Môisê là sứ giả đích thực của Thiên Chúa (Xh 3-4). Ông là người của phong trào tiên tri (Xh 7,1 Ds 11,17-25). Truyền thống tiên tri được tiếp nối nhờ các môn đệ của họ, như trường hợp Môisê (Ds 11,17), Êlia với Êlisê (2V2) Isaia với môn sinh (Is 8,16) Giêrêmia với Barúc.

Truyền thống tiên tri có vai trò rõ rệt trong cộng đoàn Israel. Tiên tri và vị Tư Tế thật quan trọng trong việc phong vương (1V1). Còn quốc gia thì còn tiên tri để chỉ đạo cho các vua như Nathan, Gad, Elisê, Isaia, Giêrêmia. Từ thời lưu đày, Israel còn ý thức là họ có một truyền thống tiên tri (Gr 7,25 25,4 29,9 35,15 44,4 Is 45,21 48,5).

Chính ơn gọi đặt một người làm tiên tri chẳng hạn như Amos (3,8 7,14tt) Giêrêmia (1,5 20,7t) Êdêkiel (3,14) Isaia (6,5)... Lời mặc khải không chỉ thu hẹp vào tiếng nói, mà còn bằng cả cử chỉ, đời sống đi trước hay kèm theo lời nói (Gr 28,10 51,63 ... Ed 3,24 5,1... Dcr 11,5...) ngay cả đời sống hôn nhân và gia đình họ cũng đi đôi với mặc khải (Hs 1-3). Một Đấng khác khiến họ phải nói, và họ thực sự cảm thấy gánh nặng của sứ mệnh (Gr 4,19 15,18 20,14-18 ...) Họ còn phải chết vì sứ mệnh nữa (1V 18; 4,13 19,10.14 Gr 16,20-23 Mt 23,37 ...) Nhưng các tiên tri đã bầu cử cho dân (Is 37,4 Gr 7,17 10,23t Ed 22,30) và đã phải chết để cứu thoát họ (Is 53,5. 11t).

## THEO CHÚA

(CN 5 TN C – Lc 5,11)

“Họ bỏ mọi sự và theo Người” (Lc 5,11)

Theo Chúa là bước đi trong đường lối Người. Đó là đường đã dẫn đưa dân ra khỏi Ai Cập. Đó còn là đường đưa mọi người đi trong cuộc xuất hành mới và đích thực.

Dân Israel đã đáp lời gọi theo Chúa khi ra khỏi Ai Cập (Hs 11,1), được dẫn đưa bằng áng mây cột lửa (Xh 13,21), được thiên thần vạch cho một con đường (Xh 23,20-23). Họ luôn được kêu gọi bước theo Chúa như hôn thê theo hôn phu (Gr 2,2), như đàn chiên theo chủ chăn (Tv 80,2), như dân theo Vua (2Sm 15,13 17,9), như tín hữu theo Chúa (1V 18,21). Theo Chúa là gắn bó hoàn toàn và tuyệt đối. Lý tưởng người Kitô hữu là luôn theo đường lối Chúa (Tv 18,22 25,4).

Đáp lời mời gọi của Chúa Giêsu, các môn đệ đầu tiên đã mau mắn theo Người (Mc 1,17-20 2,14). Họ đã sẵn sàng chia phần vinh quang (Mt 19,27), nhưng còn phải biết chia sẻ các thử thách và khổ nạn của Chúa Giêsu (Mt 16,24), trước hết là phải biết từ bỏ hoàn toàn (Mt 8, 19-22 Lc 39; 14,16-22), không hồi tiếc nhìn lại (Lc 9,61t). Khi Chúa Giêsu bước vào đường hy tế, Phêrô và các môn đệ đã bỏ Người (Mt 26,35.56). Các ông chưa hiểu (Ga 13,36). Nhưng khi Chúa Giêsu sống lại, Phêrô đi đến nơi mà ông không ngờ (Ga 21,18tt).

Không phải tất cả đã đáp lời mà theo Chúa, chẳng hạn người thanh niên giàu có (Mt 19,22t). Nhưng ai trung thành theo Chúa, thì Người ở đâu, họ cũng sẽ ở đó (Ga 12,26).

## PHÚC

*(CN 6 TN C - Lc 6,20-22)*

Hạnh phúc là điều con người luôn tìm kiếm. Các thần minh Hy Lạp thường được chào kính là các “đấng phúc lộc” vì là hiện thân của ước mơ con người ôm ấp. Nhưng hạnh phúc thật không cùng một bản chất như hạnh phúc con người ao ước (1Tm 6,15). Hạnh phúc chính là Thiên Chúa. Văn chương khôn ngoan cho thấy đâu là hạnh phúc thật và tại sao phải tìm kiếm nó : hạnh phúc bắt nguồn từ ân sủng của Thiên Chúa và tham dự vào vinh quang của Ngài : Phúc cho người kính sợ Thiên Chúa vì họ sẽ được cường thịnh, được chúc phúc (Tv 112), có nhiều con cái (Tv 128) và để bảo đảm ...(Cn 3,1-10), phải theo đường Chúa (Tv 1,1), đi trong lề luật (Tv19,1), lắng nghe (Cn 8,34). Tóm lại, phải công chính. Động lực để theo đường hạnh phúc chính là với ThiênChúa, người ta được tất cả (Is 30,8 Tv 84,13 2,12 65,5 146,5). Với người kính sợ Chúa, hạnh phúc là được ở với Thiên Chúa mãi và nếm sự ngọt dịu bên Ngài (Tv 16,11 73,23).

Chóp đỉnh thần linh của hạnh phúc là thế. Nhưng để biết chỉ mình Chúa là hạnh phúc, người ta phải trải qua bao thất vọng (Tv 41,10 118,8 146,3).

Chúa Giêsu đến, Người không chỉ là một hiền nhân, mà còn là Đấng sống sung mãn hạnh phúc Người đề ra. Bài giảng khai mào (Mt 5,3-12 Lc 6 20-26) đưa ra chương trình hành động hạnh phúc Kitô giáo. Đến từ Thiên Chúa, Chúa Giêsu là hiện thân của tiếng “thuận” đối với các lời hứa trong Cựu Ước, và Nước Thiên Chúa hiện diện trong Người, khiến Người hiện thân hóa hạnh phúc thật và tỏ ra “hiền lành và khiêm nhường trong lòng” (Mt 11,29).

Chúa Giêsu quả là trung tâm của hạnh phúc : Maria có phúc vì đã tin (Lc 1,45), đã sinh ra Đấng Cứu Thế (1,48), đã lắng nghe (11,28) và tin (Ga 20,2) hạnh phúc như vậy. Với Đấng là tất cả giá trị, các hạnh phúc kiểu trần gian có thể bị đảo lộn (1Dr 3,4 4,14) và “phúc cho những ai đã chết và được chết trong Chúa (Kh 14,13).

## LÒNG NHÂN TỪ CỦA THIÊN CHÚA

*(CN 7 TN C – Lc 6,36)*

\ Lòng nhân từ gợi ngay ý tưởng về lòng trắc ẩn và tha thứ. Đối với dân Israel, lòng nhân từ còn kết hợp thêm lòng trắc ẩn với sự trung thành.

Tùy theo ý thức mình bất hạnh hay tội lỗi, người ta nhận ra nhiều hay ít khuôn mặt lòng nhân từ vô biên của Thiên Chúa (Is 30,18). Thánh vịnh nói nhiều nhất về lòng nhân từ Chúa (Tv136). Sách Huấn ca và Khôn ngoan chứng tỏ lòng nhân từ Chúa tác động trong lịch sử Israel. Người Do thái cho rằng lòng nhân từ ấy chỉ dành riêng cho dân được tuyển chọn. Nhưng Thiên Chúa đã phá tan óc hẹp hòi ấy (Hs 11,9) Sách Giona cho thấy lương dân cũng được hưởng lòng nhân từ Chúa. Sách Huấn ca nói rõ : “Con người thì thương xót cận thân. Còn Đức Chúa xót thương mọi xác phàm” (Hc 18,13). Lý do vì Thiên Chúa “như người cha chạnh lòng thương xót con cái. Chúa cũng chạnh lòng thương kẻ kính tôn. Người quá biết ta được nhờ nấn bằng gì, hỡi Người nhớ : ta chỉ là cát bụi” (Tv 103,13-14).

Trong Tân Ước, Chúa Giêsu nhắc nhớ : “Không có ai nhân từ cả, trừ một mình Thiên Chúa” (Mc 10,18). Chúa Giêsu muốn hướng lòng chúng ta về Thiên Chúa là Đấng đầy lòng nhân từ (Tv130,7) và lòng nhân từ của Ngài tồn tại muôn đời (Tv 136). Và hướng lòng về Thiên Chúa nhân từ là để “anh em hãy có lòng nhân từ, như cha anh em là Đấng nhân từ” (Lc 6,36).

# CÁM DỠ / THỬ THÁCH CHÚA GIÊSU

(CN 1 MC C – Lc 4,1-13)

Cám dỗ/ thử thách gợi lên hai thực tại : Tích cực như thi tuyên, hoặc đau khổ như bệnh tật, thất bại. Thánh Kinh chú trọng đến ý nghĩa tích cực của từ ngữ. Ba tác nhân có thể khởi xướng thử thách / cám dỗ. Trước hết, Thiên Chúa thử thách con người để biết lòng họ (Đnl 8,2 Gc 1,2). Con người củng cố tỏ mình “như Thiên Chúa” (St 3 Rm 7,11). Thử thách trở thành cám dỗ có nhân tố can thiệp vào : tên dụ dỗ. Thử thách nhắm đến sự sống (St 2,17 Gc 1,1-12) còn cám dỗ sinh ra chết chóc (St 3 Gc 1,13t). Nơi Chúa Giêsu, thử thách và cám dỗ chỉ là một : tình yêu làm nảy sinh thử thách và cám dỗ (Lc 4,2).

Chúa Giêsu Kitô là miêu duệ theo lời hứa (St 3,15). Nơi hoang địa (Lc 4,1) Người thắng tên dụ dỗ nơi chính phần đất của nó (11,18). Như thế, Israel trước kia đã sa ngã, nhưng nhờ Chúa Giêsu đã vượt thắng (đối chiếu Đnl 8,3 với Mt 4,4 Đnl 6,16 với Mt 4,7 Đnl 6,13 với Mt 4,10).

Bị khuất phục, “quỷ bỏ đi chờ đợi thời cơ” (Lc 4,13). Là người, Chúa Giêsu biết nuôi mình bằng Lời Chúa để chiến thắng. Nhưng là Vị Cứu Thế. Người luôn bị dân thử thách (Mt 16,1 19,3 22,18), cơn cám dỗ xen vào giữa sự thần hiển và việc thi hành sứ mạng (Mc 1,11-14). Đó là cơn cám dỗ đi ngược lại ý muốn của Chúa Cha, cám dỗ từ bà con (Mc 3,33t), Phêrô (Mc 8,33), từ ước muốn những dấu hiệu nhãn tiền (8,12) hay từ quan niệm trần tục về sứ mệnh thiên sai (Ga 6,15). Cuối cùng là cơn cám dỗ lúc hấp hối (Lc 22,40-46). Chúa Giêsu đã thắng và đưa nhân loại vào thân phận đích thực (Dt 2,10-18)

## BIẾN HÌNH (HIỂN DUNG)

(CN 2 MC C – Lc 9,28b-36)

Sự kiện Chúa Giêsu biến hình diễn ra sau khi các môn đệ nhận biết Người chính là Đấng Cứu Thế và Người cho biết đường cứu độ phải qua đau khổ, sự chết (Mt 17,1-9tt 16,13-23). Việc biến hình quả có ý nghĩa lớn trong đời Chúa Giêsu và có nhiều ích lợi cho đời sống Kitô hữu. Chúa Giêsu là Đấng phải đến để thực hiện lời Thánh Kinh (Lc 24,44t) và các lời sấm về Đấng Cứu Thế là Tôi Tớ Thiên Chúa và là Con Người.

Chính những người sẽ chứng kiến cuộc hấp hối của Chúa Giêsu được chọn làm chứng nhân cho biến cố này : Phêrô (2P 1,16t), Giacôbê và Gioan (Mc 14,33). Cảnh tượng gợi lên những lần Thiên Chúa tỏ hiện cho Môisê và Êlia trên núi (Sinai/ Horeb Xh 19,9t 24,15-18 1V 19,8-18). Nay Thiên Chúa không chỉ phán giữa đám mây và cột lửa (Đnl 5,2-5),

nhưng Chúa Giêsu đã biến hình trong vinh quang trước mắt các môn đệ, với sự có mặt của Môisê và Êlia.

Vinh quang của Chúa Giêsu biến hình chưa phải là vinh quang của Người ngày thể mặt, mà chỉ làm rạng ngời y phục và khuôn mặt Người như Môisê trước kia (Xh 34,29-35), nhưng đã gây nên một thứ kính sợ (Lc 1,29t) và tuyên nhận cuộc xuất hành từ Giêrusalem (Lc 9,31) qua cái chết để vào vinh quang (Lc 24,25t) như Chúa Giêsu đã loan báo, và ta phải nghe theo (Lc 9,35).

Lời dạy bảo ta phải nghe theo loan báo một luật mới thay cho luật cũ, khi nhắc lại ba lời sấm về Đấng Cứu Thế có từ hệ thần linh (Tv2,7), là Tôi Tớ được tuyển chọn (Is 42,1) và là Môisê mới (Đnl 18,15 Ga 1,17t). Tin theo Người sẽ thấy vinh quang Thiên Chúa (Ga 1,14).

Kitô hữu cũng phải biến hình luôn mãi (2Cr 3,18) trong khi chờ đợi cuộc biến hình toàn diện ngày Chúa quang lâm (Pl 3,21).

## **SÁM HỐI / HOÁN CẢI**

*(CN 3 MC C – Lc 13,37)*

Thiên Chúa mời gọi con người hiệp thông với Ngài. Nhưng con người đã là tội nhân từ trong lòng mẹ (Tv 51,7), do tội nguyên tổ (Rm 5,12) và nơi sâu thẳm mỗi người (7,2). Để đáp lại lời mời của Chúa, họ phải sám hối / hoán cải. Sách Thánh dùng hai từ hoán cải (epistrephein) và sám hối (metanoia) để chỉ việc trở lại vừa có tính nội tâm vừa là hành động thực sự.

Với giáo thuyết giao ước, những bất hạnh chung là dịp tốt để ý thức về sai lỗi đã phạm (Gs 7 1Sm 5-6). Để khẩn nài Chúa thứ tha, người ta thực hành khổ chế và phụng vụ sám hối như chay tịnh (Tl 20,26 1V 21,8), xé áo mình, mặc áo nhặm (1V20,31; 2V 6,30 ..) nằm trên tro (Is 58,5). Trong phụng vụ sám hối, người ta rên xiết và than khóc (Tl 2,4; Gr 1,13; 2,17), với các định thức như Tv 60,74.79 .83; A c ...

Nhưng những cử hành phụng vụ có nguy cơ chỉ là hình thức bên ngoài để ngăn chặn nguy cơ vụ hình thức này, các tiên tri loan báo sứ điệp hoán cải. Amos đòi phải nghiêm chỉnh thực thi công chính (5,14-15). Hôsê nhấn mạnh sự hoán cải phải do tình yêu và nhận biết Thiên Chúa (6,1-6) Isaia nói hoán cải thực, là thi hành ý Chúa (1,11-15). Giêrêmia đòi phải thay đổi hạnh kiểm và cắt bì con tim (4,1-4). Êzêkien nhấn mạnh đặc tính cá nhân (3,16-21; 18; 33,1-20). Nhưng Thiên Chúa sẽ ban cho họ một trái tim mới (36,26-31 ...) Sau lưu đày trở về, Do thái giáo nên phổ quát hơn (Is 56,3.6) Tv 22,28). Giona còn trực tiếp gửi sứ

điệp tới lương dân kêu gọi họ hoán cải. Và chư dân cũng sẽ hoán cải (Is 45,14; Gr 16,19).

Ở ngưỡng cửa Tân Ước, Gioan Tẩy Giả - vị tiên tri cuối cùng dẫn dắt con cái Israel về với Thiên Chúa (Lc 1,16). Sứ điệp của ông là hãy hoán cải vì Nước Thiên Chúa đã gần kề (Mt 3,2). Ông đánh dấu việc hoán cải với phép rửa, sám hối bằng nước để chuẩn bị cho phép rửa bằng lửa và Thánh Thần.

Chúa Giêsu đến lập lại sứ điệp của Gioan Tẩy Giả (Mc 1,15 Mt 4,17). Nhưng Người khai mở Vương Quốc. Và Người đến để mời gọi tội nhân hoán cải (Lc 5,32). Ai cố chấp sẽ bị hủy diệt (Lc 13,1-5), giống như cây vả khô (Lc 13,6-9 Mt 21,18-22). Người hoán cải sẽ được đánh dấu bằng việc lãnh nhận phép rửa và Chúa Thánh Thần (Tv 2,38) và bao hàm vào việc tin vào Đức Kitô (Tv 3,4). Lương dân cũng được mời sám hối để hưởng sự sống (Cv 11,18) và họ cần bỏ ngẫu tượng để quay về với Thiên Chúa hằng sống (Cv 14,15; 26,18 1Tx 1,9).

Việc hoán cải được đóng ấn bằng phép rửa (Dt 6,6), nhưng người đã chịu phép rửa vẫn có thể sa ngã phạm tội. Chỉ có sự hoán cải mới chuẩn bị con người ra trước tòa phán xét của Thiên Chúa (Cv 17,30).

## HÒA GIẢI

*(CN 4 MC C – Cr 5,19)*

Tội lỗi làm cho con người như đứa con hoang đàng xa cách và còn trở nên thù nghịch với Thiên Chúa (Lc 5,11-32). muốn nối lại tình thân nghĩa thiết, phải có sự hòa giải (Rm 5,10-11).

Chính Thiên Chúa khai mào cuộc hòa giải này. Người tự mặc khải là “Thiên Chúa nhân hậu và từ bi” (Xh 34,6) luôn nguôi giận (Tv 85,4) và nói lời hòa bình với dân (Tv 85,9). Người còn khởi xướng giao ước mới và vĩnh cửu (Gr 31,31t).

Sáng kiến hòa giải được thực hiện qua Đức Kitô, nơi Người, Thiên Chúa hòa giải với thế giới và bỏ qua mọi lỗi lầm của loài người (2Cr 5,19). Ôn cứu độ liên quan đến toàn thể thế giới, nên thánh Phaolô còn áp dụng sự hòa giải này cho cả các loài dưới đất cũng như trên trời (Cl 1,20)

Đối với cá nhân, sự hòa giải còn ở trong tiềm năng, còn đối với tập thể thì đã là một thực tế. Sự tuân phục của Đức Kitô đã chuộc lại sự bất tuân của Adam (Rm 5,9), Người đã xóa bỏ, đóng đinh vào thập giá và tiêu hủy cái án nợ nần của chúng ta (Cl 2,14). Tin và chịu phép rửa,

người Kitô hữu đã được hòa giải với Thiên Chúa và được cứu độ nhờ sự sống của Đức Kitô (Rm 5,10).

Đức Kitô quả là “hòa bình của chúng ta” (Ep 2,14)> người hợp nhất cả người Do thái lẫn lương dân thành một dân duy nhất, có cùng một quyền lợi, vì mọi người chỉ còn là một lương dân thành một dân duy nhất, có cùng một quyền lợi, vì mọi người chỉ là một thân thể (2,16), một đền thờ (2,21). Các tông đồ được trao phận vụ hòa giải (2Cr 5,18-19), kiến tạo hòa bình (2Cr 6,4-13). Các Kitô hữu cũng ý thức mình phải hòa giải với anh em (Mt 5,23t).

## **NGOẠI TÌNH**

*(CN 5 MC C – Ga 8,1-11)*

Người phụ nữ bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình, nhưng đã được Chúa Giêsu cứu cho khỏi bị ném đá (Ga 8,1-11)

Thập giới cấm ngoại tình (Xh 20,14). Ngoại tình mắc ô uế (Lv 18,20). Nhưng việc ngoại tình lại được định nghĩa cách hạn hẹp : là một hành vi của người vợ hay hôn thê xâm phạm chủ quyền của người chồng hay của hôn phu (Lv 20,10); Đnl 22,22). Nếu người chồng ngoại tình với người phụ nữ không có chồng, ông không bị hình phạt. Còn người đàn bà có chồng mà ngoại tình, thường bị ném đá (Đnl 22,23) hay bị chồng tử !

Đối với các tiên tri, nhất là Hôsê, hình ảnh ngoại tình và mãi dâm được dùng để diễn tả sự bất trung của dân Israel đối với Thiên Chúa (Hs 2), vì dân buông thả mà thờ ngẫu tượng, họ như một con điếm trao thân cho bọn tình nhân để thủ lợi (Hs 2,7 4,10 Gr 5,7 13,27 Ed 23,43 Is 57,3).

Chính Chúa Giêsu cũng lấy lại hình ảnh ngoại tình để kết án tội thiếu lòng tin (Mt 12,39 16,4 Mc 8,38). Nhưng đối với người đàn bà bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình. Người đã cứu bà khỏi bị ném đá và không kết tội bà (Ga 8,11). Đức Kitô tỏ lòng nhân hậu và sẵn lòng tha thứ cho kẻ có lòng ăn năn. Người quả là Đấng đã mở con đường sống cho chúng ta (x. Is 43,16 Ga 14,6). Vì vậy, được Chúa Giêsu chiếm đoạt (Pl 3,12), Phaolô coi tất cả như rác, để được Đức Kitô (Pl 3,8).

## **CON LỪA**

*(CN LỄ LÁ C – Lc 19, 28-40)*

Long trọng tiến vào thành Giêrusalem, Chúa Giêsu ngồi trên lưng một con lừa (Lc 19,35)

Lừa là một con vật cỡi rất thông dụng (Xh 4,20), cả phụ nữ cũng sử dụng (Tl 1,14). Nó thường được một đầy tớ dẫn. Trong chiến tranh, ngựa có ưu thế hơn (2V 7,7-10 Is 21,1). Vì vậy Chúa Cứu Thế tỏ ra là vị vua khiêm tốn và hiếu hòa khi ngồi trên lưng lừa (Dcr 9,8 Lc 19,35).

Thời xưa, sở hữu một con lừa là một đặc ân của những nhân vật quan trọng (Tl 10,4), nhưng về sau, lừa trở nên thông dụng hơn (Xh 20,17)

Lừa được dùng làm con vật chở đồ nặng (1Sm 25,18) và như ở Đông phương, nó khác hơn đồng loại ở Âu Châu. Người ta dùng lừa để kéo xe nhưng không cùng kéo với bò (Đnl 22,10). Người giàu sở hữu cả đàn cừu (Sbn 27,30 G 1,3).

Người ta không ăn thịt lừa cũng không dùng vào việc tế tự (Xh 13,13 34,20). Vì vậy, sách 2V 6,25 làm nổi bật cảnh túng đói tột cùng ở Samaria khi nói người ta đã bán một cái đầu lừa lấy 80 đồng bạc.

Bên máng cỏ tại Belem, người ta đặt những con lừa, do sự chú giải ứng với Isaia 1,3.

## **PHỤC SINH / SỐNG LẠI / TRỖI DÂY**

(CN PS C – Ga 20,1-9)

*“Theo Kinh Thánh, Chúa Giêsu phải trỗi dậy từ cõi chết”* (Ga 20,1-9)

Theo tư tưởng Hy Lạp, linh hồn không hư nát và khi chết đi thì đi vào cõi bất tử. Theo Thánh Kinh, toàn thể con người đều rơi vào quyền lực thần chết : linh hồn vào âm phủ trong khi xác rữa thối, nhưng đó chỉ là tình trạng tạm thời. Mặc khải Cựu Ước cũng sớm đoạn tuyệt với quan niệm sự sống hồi xuân sau giá buốt mùa đông. Thiên Chúa duy nhất cũng là chủ duy nhất của sự sống và sự chết : “Người làm cho chết và làm cho sống” (1Sm 2,6 Đnl 32,39), vì Người có quyền trên âm phủ (Am 9,2 Tv 139,8). Người không bỏ rơi linh hồn bạn hữu Người trong âm phủ (Tv 16,10).

Các phép lạ mà tiên tri Êlia và Elisêu ( 1V17,17-23 và 2V 4,29-37), chứng tỏ Thiên Chúa có thể làm cho kẻ chết sống lại. Hình ảnh sống lại được dùng để diễn tả niềm hy vọng của dân Israel (Hs 6,1t Ed 37,1-14 Is 51,17 .60). Thiên Chúa chiến thắng sự chết (Hs 13,14) để đem lợi ích cho dân. Thời Macabê, niềm tin vào sự sống lại còn hướng tới cá



nhân, cụ thể là những người tử đạo (2Mcb 7,9 14,46) mà những kẻ dữ không được (2Mcb 7,14).

Chúa Giêsu đã làm cho một số người chết sống lại : con gái ông Giarô (Mc 5,21-42), con trai bà góa thành Naim (Lc 7,12-17), Lazarô (Ga 11). Chính Người cũng loan báo sự sống lại của mình (Mc 8,31 9,31 10,34). Lời loan báo thật khó hiểu đối với các tông đồ (Mc 9,10), nhất là đối với các kẻ thù của Chúa Giêsu (Mt 27,63t). Các tông đồ đã thất vọng (Mc 16,14 Lc 24,21-24.27 Ga 20,19) trước cái chết của Người. Hàng loạt các cuộc hiện ra của Đấng Phục Sinh (1Cr 15,5tt) mới đưa các ông tới kinh nghiệm Phục Sinh. Họ là những chứng nhân được tuyển chọn (Cv 2,32 10,41 13,31). Từ đó Tin mừng về sự sống lại được rao giảng như tâm điểm và căn bản của đức tin Kitô giáo (Cv2,22).

## BÌNH AN

(CN 2PS C – Ga 20,19-31)

“*Bình an cho anh em*” (Ga 20,19-21).

Hiện ra với các tông đồ sau khi trời dậy, hai lần Chúa Giêsu đã nói với các tông đồ như vậy. Lần thứ nhất là lời chào thông thường (20,19). Lần thứ hai là lời ban bình an của Đấng Cứu Thế (20,21)

Trong một vùng nhiều chiến tranh, lời chào bình an (shalom) thật có ý nghĩa. Nó bao hàm ý nghĩa một sự kiện nguyên vẹn, đầy đủ (Gb 9,4) bình an không chỉ là không có chiến tranh (Gs 3,8 Kh 6,4), mà là sự an lạc hòa hợp với thiên nhiên, với chính mình và Thiên Chúa.

Bình an là phần thưởng cho lòng trung tín của Israel (Lv 26,6). Ngày tận thế, an bình đã xuất hiện như một công trình của Thiên Chúa (Is 26,12). Những ai hiền hòa thì được biểu dương, họ sẽ được đông con nhiều cháu và được an vui (Tv 37,37 Cn 12,20). Như vậy, không có bình an cho kẻ độc ác (Is 48,22) và muốn có bình an, phải biết sống công chính (Lv 26,1-13 Cn 3,2). Người ta cũng cần dâng lễ cầu bình an nữa (Lv 3,1)

Nhưng sự bình an đặc biệt xuất phát từ Đấng Cứu Thế, như Isaia mô tả (Is 11,6-9) và luôn liên kết với việc nhận biết Thiên Chúa. Đó là phần riêng cho người được Chúa thương, hay cho người thiện chí (Lc 2,14). Ai tác tạo bình an sẽ được gọi là Con Thiên Chúa (Mt 5,9), dù cho phải nên chứng tá (Mt 10,34-36). Như vậy, bình an không còn là điều ngoại tại, mà đi liền với thời thiên sai do ơn cứu chuộc của Đức Kitô (Ga 14,27 Cl 1,20 Ep 2,14).

## **CHỦ CHĂN VÀ ĐÀN CHIÊN**

*(CN 3 PS C – Ga 21,1-19)*

Sau khi trôi dạt từ cõi chết, tại bờ Tibêria, Chúa Giêsu trao sứ mệnh cho thánh Phêrô : “Hãy chăm sóc chiên của Thầy” (Ga 21,15 3,16.50).

Là dân du mục (Đnl 26,5), sống bằng nghề chăn nuôi (Ct 4,2), hình ảnh chủ chăn và đàn chiên bám rễ sâu trong lòng dân Israel. Giavê hầu như không mang tước hiệu chủ chăn, trừ hai tên gọi xưa (Ct 48,15 49,24) và hai lời kêu cầu (Tv 23,1 80,2). Tước hiệu dường như dành cho Đấng phải đến. Nhưng mối liên hệ giữa Thiên Chúa với dân Ngài đích thực là mối liên hệ giữa chủ chăn với đàn chiên.

Chúa dẫn đưa dân như chiên dắt đàn chiên (Tv 95,7), đàn vật trong hoang địa (78, 52). Ngài tiếp tục dẫn dắt dân Ngài như vậy (80,2) và trọn tình yêu thương săn sóc (Is 40,11). Nhưng thực tế, dân Israel giống như con bò cái búồng bình hơn là con chiên (Hs 4,16). Họ bị lưu đày (Gr 13,17). Nhưng Chúa sẽ thổi còi (Dcr 10,18), tập hợp họ lại (Is 56,8). Họ sẽ không phải thiếu thốn gì (Tv 23,1-4). Thiên Chúa nhân từ với hết mọi người (Hc 18,13).

Chúa cũng trao phó đàn chiên cho các tôi tớ Ngài chăn dắt (Tv 103, 3 79,13 74,1 Mica 7,14), như Môisê (Tv 27,21) Giosuê (Ds 27,15-20) Đavít (Tv 78,70 2Sm 7,8 ...) đối với các thủ lĩnh (2Sm 7,7), các vị dẫn đầu dân chúng (Gr 2,8) và vua chúa các quốc gia (Gr 25,34t Nk 3,18) thì tước hiệu này không được gán cho các vua cách minh nhiên ... các chủ chăn Israel đã bất trung với sứ mệnh, bỏ bê đàn chiên (Ed 34,1-10 ...) Chúa sẽ trao phó đàn chiên cho Đavít mới, là Đấng Cứu Thế (Is 63,6t. 11t).

## **ĐỨC KITÔ, CHỦ CHĂN NHÂN LÀNH**

*(CN 4 PS C – Ga 10,11)*

*“Tôi chính là mục tử nhân lành” (Ga 10,11)*

Thời Chúa Giêsu, người ta nhìn chủ chăn dưới con mắt khác, vì những lề luật khắt khe họ đặt ra. Khi Chúa Giêsu sinh ra, các mục tử ở Bêlem đã đón tiếp Ngài (Lc 2,8-20). Còn Chúa Giêsu, Ngài phác ra một Thiên Chúa nhân từ như chủ chăn đi tìm chiên lạc (Lc 15,4-7). Chính nơi bản thân mình, Ngài hoàn tất lòng mong đợi vị chủ chăn nhân lành và trao cho một số người chức vụ chủ chăn trong Hội Thánh.

Chúa Giêsu ví mình như chủ chăn được sai đến với các chiên lạc của Israel (Mt 15,24 Lc 19,10). “Đàn chiên nhỏ” là các môn đệ Ngài tập hợp lại (Lc 12,32), là hình ảnh cộng đoàn thời cánh chung (Đn 7,27). Đàn chiên này sẽ bị bách hại bởi lang sói bên ngoài (Mt 19,16 Rm 8,36) và bởi lũ đội lốt đàn chiên bên trong (Mt 7,15). Chiên sẽ tan tác, nhưng chủ chăn sau khi bị đánh đập sẽ tập hợp lại (Mt 26,31 Dcr 13,7). Vào thời sau hết, chủ chăn sẽ tách biệt chiên lành khỏi dê dữ (Mt 25,31t).

Các tác giả Tân Ước trình bày vị “Đại chủ chăn” (Dt 13,20) trọng hơn cả Môisê (1Dr 5,4). Thánh Gioan còn cho thấy Chúa Giêsu là chủ chăn duy nhất (Ga 10,11) mà Ezêkien loan báo (Ed 34,23), là chủ chăn hoàn hảo, hy sinh sự sống cho đàn chiên (Ga 10,15.17-18) chủ chăn và đàn chiên hiểu biết lẫn nhau (Ga 10,3.14).

Chính Chúa Giêsu trao sứ mệnh chăn dắt đàn chiên cho Phêrô (Ga 21,16) các chủ chăn khác (Ep 4,11) cũng được trao sứ mệnh (1Dr 5,11 Cv 20,26). Họ tìm chiên lạc (Mt 18,21) canh chừng đàn chiên khỏi làm lạc (Cv 20,28t) và sẽ được phần thưởng của thủ lãnh các chủ chăn (1Dr 5,3).

## TÌNH YÊU THA NHÂN

(CN 5 PS C – Rm 13,34-35)

Chúa Giêsu nói : “*Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em*” (Ga 13,34)

Tiếng Do thái có hai từ ahabad và hêsed để diễn tả tình yêu : ahadbad chỉ mọi thứ tình yêu, còn hêsed diễn tả ý niệm phức tạp hơn, mà trung tín và ưu ái là căn bản. Tiếng Hy Lạp có 3 từ eran, philein và agapan : eran là tình yêu chiếm đoạt, philein là tình yêu vô vị lợi, agapan là từ bản bảy mươi dùng để dịch từ “yêu” và Tân Ước dùng từ này.

Tình yêu tha nhân được Cựu Ước nói tới (Lv 19,18) nhưng theo một chiều hướng hẹp hòi, áp dụng cho những người thân thuộc, đồng đạo. Gần với kỷ nguyên Kitô giáo, tình yêu tha nhân mở rộng hơn, hướng tới cả dân ngoại.

Chúa Giêsu nhắc lại đòi hỏi của sách Lêvi (18,19) nhưng nâng lên tầm mức như giới luật yêu mến Thiên Chúa (Mt 22,39) và mở rộng tầm mức phổ quát đến người ngoại (Lc 19,29-37) và cả kẻ thù (Mt 5,44-47), như Thiên Chúa yêu thương cả người lành kẻ dữ. Chúa Giêsu còn coi trọng nghĩa vụ hòa giải hơn bản phận phụng tự, coi việc lành cho tha nhân hơn cả ngày Sabbat (Mt 5,23-24). Thiên Chúa sẽ không tha thứ cho người không biết tha thứ cho tha nhân (Mt 18,35).

Ngoài bài ca bác ái tuyệt vời (1Cr 13). Thánh Phaolô lập lại mệnh lệnh của Đức Kitô (Gl 6,2 Rm 12,10 Dt 13,1). Yêu thương bao hàm mọi giới lệnh đối với tha nhân (Rm 13,9) và là giếng mỗi sự trọn lành (Gl 3,14). Đối với Gioan, tình yêu tha nhân là điều rắn mới, là dấu chỉ môn đệ Chúa Giêsu (Ga 13,34-35).

## **TÌNH YÊU THIÊN CHÚA**

*(CN 6 PS C – Ga 14,23)*

*“Ai yêu mến Thầy, thì giữ lời Thầy. Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy”* (Ga 14,13)

Tình yêu Thiên Chúa đối với con người được biểu lộ qua nhiều sự kiện như tạo dựng, chọn gọi các tổ phụ, dẫn đưa dân Chúa ... Tình yêu ấy không chỉ là việc thi ân, mà còn là thương xót và tha thứ. Các tiên tri nói rõ nhất về tình yêu Thiên Chúa. Sau thời lưu đày, tình yêu Thiên Chúa không chỉ được diễn tả trên bình diện cộng đoàn dân Israel mà còn hướng tới cá nhân. Các thánh vịnh không ngừng lập lại điều này dưới nhiều hình thức như lòng tốt (34,9 100,5), sự trợ giúp (4,4 37,25-29 113,5-9), đặc biệt cho các tư tế (132,16), những người bất hạnh và những người công chính (146,8).

Tình yêu con người đối với Thiên Chúa là điều khá đặc biệt nơi dân Israel. Họ nương náu nơi Chúa và được Người che chở. Họ khao khát lời Chúa (Am 8,11-12). Hô-sê đòi phải là tình yêu dặng hiến (hêsel) (Hs 6,4). Sách đệ nhị luật đòi hỏi cách minh nhiên (6,5). Nhưng phải yêu mến cách nào? Abraham tiến bước trước nhan Chúa (St 17,1) đến độ sẵn sàng dâng con cho Chúa ... yêu mến Thiên Chúa là dấn thân phục tùng, đôi khi tuân phục cách anh hùng nữa.

Chúa Giêsu mặc khải tình yêu Thiên Chúa qua hình ảnh người cha nhân lành (Lc 15,3-11), không loại trừ ai (Mt 5,45). Đối lại, yêu mến Thiên Chúa thì phải phục vụ (Mt 6,24), đón nhận đau khổ (5,10) và hoàn toàn tin thác vào Chúa (6,25-34). Tuân giữ lệnh truyền của Đức Kitô (Ga 14,23) sẽ được Người ngự trong chúng ta và Thiên Chúa càng yêu thương chúng ta hơn (x. Kh 3,20).

## **THĂNG THIÊN**

*(CN THĂNG THIÊN C – Lc 24,50)*

Đức tin Kitô giáo nói về nhập thể của Con Thiên Chúa bằng từ ngữ “xuống”, “vì loài người chúng ta và để cứu rỗi chúng ta. Người đã từ

trời xuống thế” (Kinh tin Kính x. Is 64,2 Ga 3,13 6,51). Cũng vậy, để diễn tả việc Chúa Giêsu tiến vào vinh quang của Chúa Cha (như trên x.Tv 68,19 Ga 3,13 6,22 20,17 Ep 4,9-10) Người ta chỉ có thể nói một cách biểu trưng về một mâu nhiệm vượt quá bình diện con người.

Thăng Thiên chính yếu là “tôn vinh Đức Kitô” và bổ túc cho phục sinh. Hai sự kiện biệt lập với nhau nhưng tiếp liền nhau và không có thời gian cách quãng. Vì vậy, nếu không có tường thuật của sách Công vụ, chính thánh Luca cho người ta cảm tưởng rằng Thăng Thiên xảy ra vào chiều Lễ Vượt Qua (Lc 24). Sự tôn vinh này gắn liền với nhân tính của Đức Kitô, Đấng chấp nhận đau khổ trước khi vào vinh quang (Cv 2,22-36 10,36-42 Lc 24,26). Nhưng ý thức rằng Ngôi Lời nhập thể vốn hiện hữu từ muôn thuở nên người ta quan niệm Thăng Thiên chỉ là sự trở lại tình trạng trước (Ga 6,33.62).

Thăng Thiên lại có sự liên hệ chặt chẽ với sự tái lâm của Chúa Giêsu vào thời thế mạt (Cv 1,11), Người đi để dọn chỗ cho những ai tin vào Người (Ga 14,2).

Thánh Phaolô còn xét đến một khía cạnh đặc biệt của sự tôn vinh. Đó là quyền chủ tể vũ trụ của Đức Kitô. Người ngự trên các tầng trời, làm chủ mọi quyền lực và chế ngự bằng cuộc khải hoàn thập giá (Ep 1,20-21 Cl 2,15). Người làm viên mãn thế giới (Ep 4,10), tỏ bày vinh quang trên cả các thiên thần và các dân tộc (2Tm 3,16). Người là Thượng tế, đi qua các tầng trời, vào trong chánh điện, ngự bên hữu Thiên Chúa và cầu bầu cho chúng ta (Dt 1,3-13 4,14 6,20 9,24).

Vậy lễ Thăng Thiên là để cử hành việc tôn vinh Đức Kitô. Sự kiện Cv 1,3 ghi lại, xảy ra 40 ngày sau Phục Sinh, vẫn với ý nghĩa tôn vinh, trong lần Chúa Giêsu hiện ra lần cuối cùng với các tông đồ.

## LỄ NGŨ TUẦN

*(LỄ CHÚA THÁNH THẦN HIỆN XUỐNG C – Cv 2,1-11)*

“Ngũ tuần” có nghĩa là lễ cử hành sau lễ Vượt Qua 50 ngày. Lễ này trước hết là lễ đồng áng, sau đó là lễ kỷ niệm việc ký giao ước, cuối cùng thành lễ ban Chúa Thánh Thần xuống.

Trong Do thái giáo, lễ Ngũ tuần là một trong ba lễ người Do thái phải trình diện tại nơi Ngài chọn để ngự trị (Đnl 6,6). Lúc đầu là lễ mùa, ngày vui mừng và tạ ơn (Xh 23,16 Ds 28,26 Lv 23,16tt). Có lẽ từ tk II trước công nguyên, nó biến thành lễ giáp năm kỷ niệm ngày ký giao ước (Xh 19,1-16).

Vào ngày lễ Ngũ tuần của người Do thái, khi các tông đồ đang họp nhau cầu nguyện, Chúa Thánh Thần đã hiện xuống (x. Cv 2,1-4). Với những dấu chỉ kèm theo như gió và lửa, ơn ban Thánh Thần là một cuộc thần hiển như trong Cv, phép lạ xảy ra cho thấy ý nghĩa của biến cố này : các tông đồ nói tiếng lạ (Cv 2,4) và mọi người hiểu được (Cv 2,5-11) Như vậy, Chúa Thánh Thần hiện xuống.

- Thời cánh chung đã mở màn, đúng như lời các tiên tri đã loan báo (Gc 3,1-5 Ed 36,27), và Chúa Giêsu xác nhận (Cv 1,5)

- Kết thúc cuộc vượt qua của Đức Kitô. Người được tôn vinh và hoàn tất công trình cứu độ bằng việc đổ tràn Thánh Thần trên các tông đồ (Cv 2,23-33).

- Quy tụ cộng đoàn thiên sai, những người bị phân tán được quy tụ trên núi Sion, người Do thái và chư dân họp nhất trong tình huynh đệ quanh tiệc Thánh Thể (Cv 2,42t).

- Khởi đầu việc truyền giáo (Cv 1,8). Lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống khai mào thời gian của Giáo Hội vì Chúa Thánh Thần hướng dẫn và hoạt động việc truyền giáo của Giáo Hội (Cv 4,8- 13 2-15.28 16,6) cho tới ngày Chúa lại đến.

## **BA NGÔI**

*(CN LỄ CHÚA BA NGÔI C)*

Ba Ngôi, từ không có trong Kinh Thánh, nhưng lại là một từ diễn tả mầu nhiệm chính, trọng nhất của Kitô giáo, dĩ nhiên dựa trên nền tảng Kinh Thánh.

Cựu Ước đã có những bước chuẩn bị cho mạc khải Ba Ngôi, nhưng luôn khẳng định Thiên Chúa là Duy Nhất. Khi tạo dựng loài người, Thiên Chúa tự xưng ở số nhiều : “Chúng ta hãy ... giống như Chúng ta...” (St 1,26). Thiên Chúa gặp gỡ Abraham tại Manbrê (St 18,1-2) và Ba vị mà tổ phụ đã gặp, các giáo phụ coi là điểm tiên báo về Ba Ngôi.

Tân Ước mạc khải rõ hơn về Ba Ngôi, khi thì biểu lộ từng Ngôi riêng biệt, khi thì trong công thức Ba Ngôi.

Chúa Giêsu đã nói Người đồng hàng với Chúa Cha (Ga 10,30) và hứa sẽ sai Chúa Thánh Thần đến (Ga 14,26). Ba Ngôi hiển diện đầy đủ nhất trong biến cố sau khi Chúa Giêsu chịu phép rửa ở bờ sông Jordano (Mt 3,16-17): khi ấy Chúa Giêsu được Đức Chúa Cha công bố là Con và Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Người dưới dạng chim bồ câu.

Công thức Ba Ngôi có khá nhiều trong Tân Ước. Chúng ta có thể lược qua một số công thức như : 1Cr 12,4-6 2Cr 13,13 Rm 1,1-4 Gl 4,6 Pl 2,1 Ep 1,3-4 Tt 3,5-7 1Pr 1,2 Kh 1,4-5. Riêng công thức Ba Ngôi rõ ràng nhất nơi Mt 28,19 có lẽ do ảnh hưởng của phép rửa sau này (so sánh với phép rửa ban đầu trong Đức Kitô (x. Cv 2,38 10,48).

## **MELKISÊĐÊ**

*(LỄ MÌNH và MÁU THÁNH CHÚA KITÔ C – St 14,18-20)*

Melkisêđê được coi như người bảo trợ Abraham, vị tiền nhiệm của Đavít và như hình ảnh của Chúa Giêsu.

Melkisêđê là vua và vì thế cũng là tư tế của Salem (mà Tv 76 đồng hóa với Giêrusalem). Ông đã đãi Abraham một bữa ăn gồm bánh và rượu như một nghi thức giao ước (St 31,44-46 Gs 9,12-15). Ông chúc lành cho Abraham và Abraham dâng công vật cho ông. Các nghĩa cử trên được thực hiện trước Thiên Chúa tối cao mà đối với Abraham là Thiên Chúa duy nhất.

Khi đóng đô tại Giêrusalem, Đavít đã đồng hóa vua Giêrusalem như người kế vị Melkisêđê để vừa làm vua, vừa là tư tế. Kiêu nói : “Con là tư tế muôn đời” (Tv 110) xem ra quá đáng, nhưng lại thích hợp để chỉ Đấng Được Xức Dầu cuối cùng. Đấng Cứu Thế sẽ liên kết chức tư tế và vương quyền nơi mình. Các tiên tri cũng loan báo như thế (Gr 33,14-22 Dcr 3-6). Dòng họ Macabê đã ủy thác vương quyền cho vị thượng tế (1Mcb 10,20-65 14,41-47). Nơi Đức Giêsu Kitô, quả đã có sự liên kết chặt chẽ giữa vương quyền (đã được thanh luyện) với chức tư tế đích thực.

Theo thư gửi người Do thái, Chúa Giêsu đã hoàn thành chức vụ tư tế vương giả của Đấng Cứu Thế dòng họ Đavít, kế vị Melkisêđê (Tv 110 x Dt 7,5-6.10 6,20). Vị tư tế này xem ra trỗi vượt mọi tư tế Lêvi vì chính Abraham đã cúi mình nhận phép lành và dâng lễ vật cho ông. Giao ước mới Chúa Giêsu thiết lập dưới dấu chỉ Bánh và Rượu được tiên báo trong hiệp ước của Melkisêđê xưa là phần tử của “chư dân”, ông là chứng nhân cho tính phổ quát của ơn cứu độ.

## **ĐỨC KITÔ**

*(CN 12 TN C – Lc 9,20)*

Từ “Kitô” phiên âm từ tiếng Do thái masshia (và tiếng Việt phiên âm là Mêsia), có nghĩa là “được xức dầu”, “được thánh hiến”

Việc xúc dầu tượng trưng cho việc lãnh nhận Thần Khí Chúa (1Sm 9,16 ; 10,1-10). Nhà vua được xúc dầu để đại diện Chúa nơi dân Israel : Saolê (1Sm 9,10), Đavít (2Sm 2,4; 5,3). Salomon (1V 1,39) và những người kế vị ông (2V 11,12 23,30). Như thế nhà vua là Đấng được xúc dầu (2Sm 19,22 4,20) mà tín hữu phải kính trọng theo lễ nghi tôn giáo (1Sm 24,7.11.16.23 2Sm 1,14-16).

Đấng được xúc dầu của Chúa” cũng được hiểu theo nghĩa rộng : Cyrô, được Thiên Chúa sai đến giải phóng Israel được gọi bằng danh hiệu này (Is 45,1). Không được xúc dầu cách hữu hình, các tiên tri được chính Thánh Thần xúc dầu để thi hành sứ mệnh (Is 61,1). Mọi thành phần dân Chúa đều được gọi những kẻ được xúc dầu (Tv 105,15 Kh 3,13). Sau thời lưu đày, không còn Vua và vị Thượng tế đứng đầu cộng đoàn. Người ta trở về nguồn từ Aaron (Xh 29,7 30,22-33) để xúc dầu mọi tư tế (Xh 28,41 30,30 40,15 Lv 4,3.5.16 2Mcb 1,10).Vương quyền và tư tế được liên kết với nhau (Gr 33,14-18 Ed 45,1-8 Dcr 4,1-14 6,13).

Trước sự thánh thiện, uy thế và quyền năng của Chúa Giêsu, người ta tự hỏi Người có phải là Đức Kitô ? (Ga 4,29 7,40) hay con vua Đavít (Mt 12,23). Lời tuyên xưng của thánh Phêrô (Lc 9,20 và tt) thật quan trọng nhưng chưa hoàn hảo (Ga 6,15). Vì thế Chúa Giêsu rất dè dặt với tước hiệu Kitô gắn chặt với tên Giêsu và trở nên rất rộng vì những tước hiệu khác đều quy về đó.

## TỰ DO

(CN 13 TN C – Gl 5,1.13-18)

*“Thưa anh em, anh em đã được gọi để hưởng tự do”* (Gl 5,13)

Dân Israel đã từng bị đàn áp bên Ai Cập rồi được cứu thoát. Trong nước, họ luôn bị dân Canaan rồi dân Philistin đe dọa. Nhưng Thiên Chúa cứu họ nhờ các thủ lãnh. Thời lưu đày và thời Antiôchô Epiphanê, họ cũng được giải thoát. Thời lệ thuộc Rôma, dù không nhận mình bị thống trị (Ga 8,33), người ta vẫn khao khát Đấng Cứu Thế đến cứu độ (Lc 24,21). Ý tưởng giải phóng rất gần với ý tưởng cứu chuộc.

Kitô hữu được mời gọi sống tự do (Gl 5,13). Thật vậy, người Kitô hữu thoát khỏi tinh thần nô lệ và sợ sệt, để sống tinh thần hiếu thảo (Rm 8,15-18). Thiên Chúa giải thoát Israel khỏi mọi lầm lỗi (Tv 130,8). Người tội tớ Thiên Chúa mang lấy tội lỗi mọi người và giải hòa họ với Thiên Chúa (Is 53,5-6) và Kitô hữu được giải thoát nhờ máu Đức Kitô (Rm 8,2), đưa họ vào nước của Con Thiên Chúa (Cl 1,14)



Tử thân bị tiêu diệt (1Cr 15,55) và chúng ta được chia sẻ ơn phục sinh (Rm 6,3-4), vượt qua cõi chết mà vào sự sống (1Ga 3,14). Không còn sợ hãi và chết chóc nữa (Rm 6,23). Lễ luật thánh thiện và thiêng liêng (Rm 7,12-14) dẫn đến Đức Kitô (Gl 3,24). Nhưng việc giữ lễ luật và nghi lễ là một gánh nặng vô ích (Cv 15,10 Gl 4,9-10) chẳng giúp ta làm điều lành cũng như chẳng giúp ta tránh điều ác (Rm 7). Ôn cứu độ chỉ có nơi Đức Kitô (Gl 2,21) và sự thật mới giải thoát (Ga 8,32).

Nhưng tự do không có nghĩa là được làm mọi sự (Gl 5,13), nhưng phải đưa đến sự tuân phục Đức Kitô và Hội Thánh. Người Kitô hữu phải là “người nô lệ cho đức công chính” để nên thánh (Rm 6,19). Trên tự do phải có đức ái (1Cr 8-10).

## NƯỚC THIÊN CHÚA

(CN 14 TN C – Lc 10,1-12)

“*Nước Thiên Chúa đã đến gần*” (Lc 10,9), đó là đối tượng chính mà Gioan Tẩy Giả và Chúa Giêsu rao giảng và các tông đồ cũng như Giáo Hội phải tiếp nối.

Trong Cựu Ước, ý tưởng Thiên Chúa – Vua không có từ đầu. Nhưng khi Israel lập cư tại Canaan, người ta dùng biểu tượng này để diễn tả mối liên hệ giữa Thiên Chúa và dân Ngài. (Tl 8,23 1Sm 8,7) Thiên Chúa cai trị đến muôn đời (Xh 15,18), trên trời (Tv 11,4 103,19). Nhưng có một dân, Ngài chọn riêng và biến họ thành “một vương quốc tư tế và một dân được thánh hiến” (Xh 19,6). Ngài chúc phúc cho họ (Tv 134,3) dẫn dắt họ như chủ chăn đối với đàn chiên (Tv 80 Ed 34).

Khi dân Israel tự lập một vị vua, có trào lưu chống đối (1Sm 8,1-7), nhưng chính sứ giả Thiên Chúa loan báo sự tuyển chọn Saolê (10,24) Đavít (16,12) và vương triều Đavít (2Sm 7,1-16). Và các vua Israel hành xử vương quyền trong sự tuân phục Thiên Chúa (2Sbn 13,8). Ngược lại, Thiên Chúa cũng coi miêu duệ của Đavít như con cái Ngài (2Sm 7,14 Tv 2,7). Nhưng tham vọng của các vị vua thế trần nhiều khi không phù hợp với nước Thiên Chúa, khiến các tiên tri phải cảnh cáo họ và loan báo những hình phạt sẽ đổ xuống (2Sm 12 24,10-14). Nguyên do khiến vương triều Đavít sụp đổ cũng vì vua trần thế đoạn giao với vua uy quyền là Thiên Chúa (Gr 10,21) !

Đấng Cứu Thế sẽ đến tái lập Nước Thiên Chúa. Chúa Giêsu đến khai mở Nước này như một hạt giống (Mc 4,26-29), như men trong bột (Mt 13,33), chỉ được ban cho đàn chiên bé nhỏ. Nước ấy phải được lớn

lên (Mt 13,3-9 18-23, nhưng sẽ trở thành như cây to lớn mà mọi chim trời sẽ đến làm tổ (Mt 13,31).

## LUẬT

(CN 15 TN C – Lc 10,26)

Trước vấn nạn “phải làm gì để được sống đời đời?”. Chúa Giêsu đã hỏi lại người thông luật : “Trong LUẬT đã viết gì ? Ông đọc thế nào ?” (Lc 10,26)

Từ LUẬT (tora) trong tiếng Hibá có nghĩa rộng và ít chuyên về pháp luật như từ *normos* trong tiếng Hy Lạp : Nó chỉ giáo huấn của Thiên Chúa nhằm hướng dẫn cuộc sống con người. Thần học Kitô giáo nhìn nhận chế độ “luật tự nhiên” (Rm 2,14t) phân biệt “luật cũ” và “luật mới”. Như vậy ba giai đoạn chính yếu của chương trình cứu độ đều được biểu trưng bằng một danh từ nói lên khía cạnh luân lý và pháp lý.

Khi đưa ra câu hỏi “luật đã viết gì ?”, Chúa Giêsu hẳn đã nghĩ đến toàn bộ luật mà Cựu Ước đã liên kết với Môisen, “luật cũ”. Các bản văn luật ấy có thể ghi nhận như sau : Thập giới (Xh 20,2-17 Đnl 5,6-18), bộ Luật Giao Ước (Xh 20,22-23), thập giới phụng tự (Xh 34,11-26), bộ Đệ Nhị Luật (Đnl 12,26), luật Thánh đức (Lv 17,26), luật Tư tế : định chế được ghi rải rác trong Ngũ thư nhân có một biến cố lịch sử (Xh 25-31 Ds 1-10), hay qui luật thu tập và được đưa vào toàn bộ có tầm quan trọng nhiều hay ít : luật Hy tế (Lv 1-7), luật Thanh tẩy (Lv 11-16)

Tân Ước đối chiếu luật cũ (Rm 5,20) với chế độ ân sủng Đức Giêsu Kitô khởi xướng (Rm 6,15 Gl,17) và còn nói tới “luật của Đức Kitô nữa” (Gl 6,2).

## PHỤC VỤ

(CN 16 TN C – Lc 10,40)

“*Cô Martha tất bật lo việc phục vụ*” (Lc 10,40)

Trong Kinh Thánh, từ phục vụ có hai nghĩa đối nghịch : hoặc chỉ sự tùng phục của con người đối với Thiên Chúa, hoặc tình trạng nô lệ của con người đối với nhau. Tình trạng nô lệ trong thế giới lương dân coi người nô lệ của con người đối với nhau. Tình trạng nô lệ trong thế giới lương dân coi người nô lệ như súc vật hoặc đồ vật, còn luật dân Thiên Chúa xác định nô lệ vẫn là con người, có địa vị trong gia đình và có thể vẫn được tín cẩn và được thừa tự (St 24,2 15,3). Thực tế, sự tùng phục có khi là vinh dự như khi phục vụ nhà vua hay trong việc phụng tự.

Phục vụ Thiên Chúa là một vinh dự, Thiên Chúa ưu ái ký kết giao ước với dân Ngài và Ngài không chịu được chia sẻ (Đnl 13,5), yêu mến và phục vụ một mình Ngài (Mt 4,10 Đnl 6,13). Phục vụ Thiên Chúa trước hết qua việc phụng tự và các tư tế và thầy Lêvi là những người phục vụ Thiên Chúa (Ds 18 1Sm 2,11-18 3,1 Gr 33,21t). Họ là tôi tớ Thiên Chúa và diễn giải lời sấm (Tl 17,5t). Tín hữu làm việc phụng tự là “phục vụ Thiên Chúa” (2Sm 15,8). Dĩ nhiên việc phụng tự không chỉ giới hạn vào nghi thức mà bao hàm cả cuộc sống vâng lời (1Sm 15,22 Hs 6,6).

Chúa Giêsu, dưới sức mạnh của tình yêu vừa nhắc nhở tính tuyệt đối của việc phục vụ Thiên Chúa (Lc 16,9 Mt 6,24), vừa trọn vâng phục Thiên Chúa Cha ngư Người Tôi Tớ : lo việc Cha (Lc 2,49) vâng ý Cha (Mt 16,21 Ga 14,30). Người còn làm gương cho chúng ta biết phục vụ nhau (Mc 10,45 Lc22,27 và Ga 13,15). Sự phục vụ Kitô giáo do đó thật cao cả, vì nó biến họ nên bạn hữu Chúa Kitô (Ga 15,15) và đáng hưởng niềm vui với Người (Mt 25,14-23 Ga 15,10t).

## **CẦU NGUYỆN NHƯ CHÚA GIÊSU DẠY**

*(CN 17 TN C – Lc 11,1)*

*“Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện” (Lc 11,1)*

Cầu nguyện là một hành vi do lòng tin, tin Thiên Chúa hiện diện và hành động. Đó cũng là một cuộc đối thoại với Ngài. Chúa Giêsu cầu nguyện liên lỉ và đã dạy cách cầu nguyện sau lời đề nghị của các tông đồ (Lc 11,1). Kinh Lạy Cha là trung tâm điểm của giáo huấn ấy (Lc 11,2t Mt 6,9-13)

Người cầu nguyện hướng về Thiên Chúa như người cha và như vậy vừa tiếp nối vừa vượt qua sự thân mật của thánh vịnh (Tv 27,10 103,13 Is 63,16 64,7). Gọi Thiên Chúa là Cha, đó là tác động tin và là cuộc tự hiến cho Ngài. Vì vậy, Người cầu nguyện trước hết lo về danh thánh Chúa, về nước Ngài, về ý định và việc thực hiện thánh ý Ngài (Mt 9,38). Họ cũng xin bánh ăn, rồi ơn tha thứ sau khi đã hòa giải với anh em và sau cùng xin ơn khỏi sa ngã trong cơn thử thách.

Các huấn lệnh khác bổ túc cho kinh Lạy Cha. Điều kiện và nguồn mạch của kinh nghiệm là niềm xác tín sẽ được nhậm lời (Mt 18,19 21,22 Lc 8,57). Diễn tả trực tiếp nhất điều này là (Mc 11,23 9,23) và nhất là (Gc 1,5-8). Người ta xác tín như vậy, vì Thiên Chúa chính là Cha (Lc 11,13), Đấng thấu biết mọi sự (Mt 6,6) và không cần phải lải nhải nhiều lời (Mt 6,7 1V18,26tt).

Phải cầu nguyện không ngừng, nhất là trong bối cảnh những ngày cuối cùng (Lc 18,1-7) để khỏi bị vùi lấp (Lc 21,36 22,39-46). Vì thế, kinh Lạy Cha kết thúc với lời xin cho khỏi sa chước cám dỗ.

## **GIA TÀI**

*(CN 18 TN C – Lc 12,13-21)*

*“Thưa Thầy, xin Thầy bảo anh tôi chia phần GIA TÀI cho tôi” (Lc12,13)*

Khởi đầu trong Cựu Ước, ý niệm gia tài liên kết mật thiết với ý niệm giao ước : Israel là gia tài của Thiên Chúa, đất hứa là gia tài của Israel và do đó trở thành gia tài của chính Thiên Chúa. Tương quan đầu là căn bản nhất : Israel là gia tài của Thiên Chúa (Xh 34,9 1Sm 10,1 26,19 2Sm 20,19 21,3), kiểu nói diễn tả mối liên lạc mật thiết giữa Thiên Chúa và dân Ngài (Xh 19,5). Tương quan này dựa vào giao ước (x. Cr 24,7 Ed 37,27), một giao ước liên quan tới đất hứa mà Thiên Chúa đã ký kết với Abraham (St 15) và cả cho những người thừa kế (St 26,3 35,12 Xh 6,8). Thất vọng vì những mơ ước quá vật chất trái ngược với các biến cố xảy ra, Israel có thể nâng cao mơ ước trông đợi tới gia tài của Thiên Chúa, vì Ngài chọn làm nơi cư ngụ (Xh 15,17). Mỗi chi tộc Israel nhận phần của mình (Gs 13-21) và không được tự do mua bán đất ấy (Ds 36). Nếu phải bán, đất đã bán sẽ được hoàn lại cho chủ nhân dịp năm toàn xá (Lv 25,10).

Việc chinh phục đất Canaan trong St 15 khiến lời hứa như đã được thực hiện. Nhưng từ thế kỷ VIII, gia nghiệp của Thiên Chúa dần rơi từng mảnh vào tay dân ngoại. Cuối cùng ý niệm về gia tài có tính cách chung : chỉ người công chính mới đáng hưởng gia tài (Tv 37,9-11 25,13 61,6 69,37) và gia tài có tính thiêng liêng, chính Chúa là gia tài (Tv 15,3 73,26)

Tân Ước cho thấy chính Đức Kitô là người thừa kế duy nhất (Dt 2,1-10) và gia nghiệp Thiên Chúa dành cho những kẻ được thánh hóa (Cv 20,32).

## **GIA TÀI**

*(CN 19 TN C – Lc 12,32-48)*

*“Hãy bán tài sản của mình đi mà bố thí ... vì kho tàng của anh em ở đâu, thì lòng anh em ở đó” (Lc 12,33-34)*

Israel khi chiếm được đất Canaan, đã nghĩ Đất Hứa là gia tài, nhưng Thiên Chúa chưa ban cho Abraham. Ở “Đất Hứa”, ông như ở nơi

đất khách và trông đợi một thành có nền móng do chính Thiên Chúa vẽ mẫu và xây dựng (Dt 11,9-10) kiểu nói “chiếm hữu đất” trở thành quy ước để chỉ hạnh phúc hoàn hảo (Tv 25,13) khai mở vào mỗi phúc thứ hai (Mt 5,4) và được Thiên Chúa là đã hưởng gia tài trong thế giới tương lai.

Đức Kitô là miêu duệ của Abraham (Gl 3,16) người được quyền thừa kế vì là con (Mt 21,38) và được làm Đấng thừa kế mọi sự (Dt 1,2), được hưởng danh hiệu vượt trên các thiên thần (Dt 1,4) tên của chính Thiên Chúa (Pl 2,9)

Để chiếm hữu gia tài này, Đức Giêsu Kitô đã trải qua cuộc khổ nạn và cái chết (Dt 2,1-10), nhờ đó Người giải thoát chúng ta khỏi thân phận nô lệ, cho chúng ta được lãnh nhận gia tài vĩnh cửu Chúa đã hứa (Dt 9,15). Chúng ta trở nên đồng thừa kế với Đức Kitô (Rm 8,14-17) nhờ liên kết bằng đức tin với Người (Rm 4,13tt). Quanh Đức Kitô, một dân mới được thành lập để thừa hưởng gia sản Chúa Cha dọn sẵn (Mt 25,34), là ân sủng (1Pr 3,7), là sự cứu rỗi (Dt 1,4), là Nước Thiên Chúa (Mt 25,34 1Cr 6,9 Gc 2,5) là sự sống đời đời (Mt 19,29 Tt 3,7). Một gia tài thật siêu việt, và con người phải được biến đổi nên giống Đức Kitô (1Cr 15,45-50), có Thánh Thần là bảo chứng (Ep 1, 14).

## LỬA

(CN 20TN C – Lc 12,49-53)

*“Thầy đã ném lửa vào mặt đất, và Thầy những ước mong phải chi lửa ấy đã bùng lên” (Lc 12,49)*

Tuy không cùng một chiều hướng với các triết thuyết về thiên nhiên với các tôn giáo thần thánh hóa lửa, từ khi Abraham được tuyển chọn (St 15,17), lửa nổi bật trong tương quan giữa Thiên Chúa và dân Ngài.

Trước hết, lửa gợi lên sự hiện diện của Thiên Chúa, không diễn tả sự vinh quang, nhưng diễn tả sự thánh thiện của Thiên Chúa, vừa hấp dẫn vừa đáng sợ : ở Horeb với bụi gai bốc cháy (Xh 3,2t), ở Sinai với ngọn núi bốc khói từ vùng lửa bao phủ (Xh 19,18) và khi dân lưu lạc với cột lửa dẫn đường (Xh 13,21. Êlia được cất lên trời trên xe bằng lửa (2V 2,11). Trình bày việc Thiên Chúa giáng lâm, tác giả Tv dùng hình ảnh bão lửa (Tv 18,8-15 97,3-4).

Lửa gợi lên hình ảnh Thiên Chúa là Đấng Thánh thanh tẩy mọi tì ố, điển hình là việc thanh tẩy Isaia để ông làm tiên tri (Is 6,6-7). Thiên Chúa giống như nhà luyện kim dùng lửa để loại tạp chất khỏi quý kim

(Ml 3,2). Nhưng nhà luyện kim có khi thất bại, nhưng Thiên Chúa luôn thành công (Is 1,2-5). Thử thách của cuộc lưu đày hiểu như thế (Is 48,10) và Tv nhắc lại : người vô tội xin Chúa luyện tâm can lòng dạ mình (Tv 26,2).

Các tác giả Khải Huyền coi như khí cụ xét xử trong ngày của Thiên Chúa (Mt 3,11). Nhưng lửa chỉ hủy hoại những gì chưa được thanh tẩy (Mt 3,10-12).

Chúa Giêsu nói đến lửa thanh tẩy với ý tưởng riêng của Người, ý tưởng Tình yêu (Lc 12,49).

## CỬA HẸP

(CN 21 TN C – Lc 13,22-30)

*“Hãy chiến đấu để đi qua cửa hẹp mà vào”*

Chúa Giêsu tiếp tục hành trình lên Giêrusalem và tới thập giá, “ngang qua các thành thị và làng mạc và giảng dạy” (Lc 13,22), với niềm xác tín vào thắng lợi chắc chắn của Nước Thiên Chúa. Trong bối cảnh này, có kẻ hỏi Người : ”những người được cứu thoát thì ít, có phải không ?” (12,23) câu trả lời của Chúa Giêsu nhằm thúc đẩy nỗ lực và tỉnh thức.

“Những người được cứu thoát thì ít”. Vậy, hãy “chiến đấu” để qua được “cửa hẹp” “chiến đấu”, nguyên từ Hy Lạp *agōnizesthe*, dẫn tới từ *agony* (Anh), *agonie* (Pháp) bao hàm ý nghĩa : lâm chung, thống khổ ... Cuộc chiến đấu để qua được cửa hẹp, được mô tả như nổi thống khổ liên hệ đến toàn bộ con người : xác, hồn và tinh thần, khiến nhiều người cố thủ, nhưng ít người qua được “cửa hẹp” (13, 24).

Cửa để qua lại, cửa mở diễn tả sự đón tiếp (G 31,32), sự chờ đợi sẵn sàng tiếp rước (1Cr 16,9). Cửa đóng để ngăn cản sự qua lại, nhằm bảo vệ những gì ở bên trong (Ga 20,19) hay biểu lộ sự từ chối (Mt 25,10). “Cửa hẹp” bao hàm ý niệm về một sự chọn lựa. Thiên Chúa đã mở cửa trời cho mưa và manna rơi xuống (Tv 78,23) và cho mọi phúc lành xuống trên trái đất (Ml 3,10) Chúa Giêsu là cửa trời đích thực xuống trên thế gian (Ga 1,51 x. St 28,17). Người là cửa dẫn vào đồng cỏ xanh tươi (Ga 10,9). Người còn trao cho thánh Phêrô chìa khóa lối vào Nước Trời (Mt 16,19). Vậy “cửa hẹp” chính là sự lựa chọn của tín hữu, chọn hoán cải (Lc 13,24 Mt 7,13) và tin (Cv 14,27 Ep 3,12) để qua được.

## KHIÊM NHƯỜNG

(CN 22 TN C – Hc 3,20 và Lc 14,1.7-14)

Nhân dự tiệc cưới tại nhà một ông thủ lãnh nhóm Pharisiêu, thấy người ta lo giành chỗ nhất, Chúa Giêsu dạy phải khiêm nhường :”Ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên” (Lc 14,11). Còn sách Huấn ca nói : “Thiên Chúa được tôn vinh nơi các kẻ khiêm nhường” (Hc 3,20). Khiêm nhường, một nhân đức đặc thù của Kitô giáo nhưng cũng đã thấy căn bản trong Cựu Ước.

Khiêm nhường là nhìn nhận quyền tối cao của Thiên Chúa (Tv 10-131) Cn 22,4 Hc 3,18), là ý thức mình bất lực hoàn toàn trước Thiên Chúa (Đnl 8,11-20) Môsê được coi là người rất khiêm nhường vì luôn trung thành thực hiện ơn gọi của mình như kẻ thừa hành (Ds 12,3 Dt 3,5). Bài ca “Người tôi tớ” cho thấy nhân vật này rất khiêm nhường khi tuân phục dù phải chết (Is 53,4-10) và Đấng Thiên Sai khiêm nhường cả nơi thái độ bên ngoài (Dcr 9,9).

Chúa Giêsu dạy và nêu gương khiêm nhường (Mt 11,23) và cần phải đón nhận Nước Trời với tâm hồn trẻ thơ (Mt 11,25 18,1-4). Đức Trinh Nữ Maria nhận mình là hư không và chỉ muốn mình là nữ tỳ của Chúa (Lc 1,38-48) thánh Phaolô nhấn mạnh Thiên Chúa chỉ muốn dùng phương tiện nghèo nàn của con người để làm chuyện phi thường (1Cr 1,25-29 2Cr 12,9) và thánh nhân hãnh diện về những hèn yếu của mình vì ân sủng đã nên hữu hiệu nơi ông (1Cr 15,10).

## MÔN ĐỆ

(CN 23 TN C – Lc 14,25-33)

*“Ai không từ bỏ hết những gì mình có, thì không thể làm môn đệ tôi”* (Lc 14,33)

Môn đệ là người đón nhận giáo huấn từ một vị thầy. Các tiên tri và các hiền triết trong Cựu Ước cũng có các môn đệ (1V 19,19-21 Is 8,16 Cn 1,8 2,1 3,1). Nhưng không dám lấy lời giảng của mình thay cho lời Chúa. Vì lời Chúa là nguồn mọi sự khôn ngoan, nên lý tưởng là trở thành môn đệ của chính Thiên Chúa (Cn 1,18t 8,4t.32t ). Vào thời cuối, chính Thiên Chúa là thầy, không cần những ông thầy trần tục (Gr 31,31-34) và tất cả sẽ là môn đệ của Chúa (Is 64,13). Chính Tôi Tớ Thiên Chúa sẽ dạy dỗ lệnh truyền của Thiên Chúa (Is 42,1.4 50,4) và các tác giả thánh vịnh sẽ khẩn cầu xin Thiên Chúa dạy bảo (Tv 119,12.26t 25,4-9). Trong Do thái giáo sau này các “tiên sĩ luật” thêm vào uy quyền cá nhân (Mt 23,2 16,22), tùy theo đường lối giảng dạy luật mà có trường phái, tôn sư, môn đệ (Cv 22,3).

Trừ vài lần nói đến môn đệ của Môisê (Ga 9,28), của Gioan Tẩy Giả (Mc 2,18 Ga 1,35 Cv 19,1tt), của các Pharisêu (Mt 22,16). Tin Mừng dành từ môn đệ cho những ai đã chọn Chúa Giêsu làm thầy. Vì thế, trước tiên nhóm mười hai được gọi là môn đệ (Mt 10,1 12,1 ...) Ngoài nhóm này, còn có những người theo Chúa Giêsu (Mt 8,21), nhất là nhóm 72 (Lc 10,1). Số môn đệ Chúa Giêsu là khá đông (Lc 6,17 19,37 Ga 6,60). Nhưng có nhiều người bỏ cuộc (Ga 6,66).

Không ai dám nhận mình là thầy. Nếu phải nhận môn đệ (Mt 28,19 Cv 14,2t) là họ nhận cho Chúa Giêsu. Vì vậy, từ chương 6 sách Công vụ tông đồ gọi mọi tín hữu là môn đệ, vì họ sống phù hợp với giáo huấn của Đức Kitô (Cv 6,1).

## CHÚA CHA, THEO MẶC KHẢI CỦA CHÚA GIÊSU

(CN 24 TN C – Lc 15,1-32)

*“Thôi, ta đứng lên, đi về cùng Cha”* (Lc 15,18)

Vào lúc gần kỷ nguyên Kitô giáo, dân Israel ý thức rằng Thiên Chúa là Cha dân Ngài và Cha mỗi tín hữu. Danh Cha ít gặp thấy trong các sách Khải huyền, nhưng lại thường gặp trong các văn phẩm của các rabbi, nơi ta đọc được nguyên văn công thức “Lạy Cha chúng con ở trên trời” (Mt 6,9)

Chúa Giêsu Kitô hoàn thành nét tinh túy của tư tưởng Do thái về tình phụ tử của Thiên Chúa. Như người nghèo coi những người có lòng thanh sạch, tức Israel đích thực (Tv 73,1), tượng trưng cho “chúng tộc con cái Thiên Chúa” (Tv 73,15), Chúa Giêsu nghĩ đến một cộng đoàn : “Lạy Cha chúng con”, gồm “những kẻ bé mọn” (Mt 11,25) mà Chúa Cha cho biết những điều bí nhiệm. Ngài và từng người là con Thiên Chúa (Mt 6,4.6.18). Dựa trên tình phụ tử của Đấng tạo hóa, một phong trào Do thái giáo vẫn chưa đi tới kết luận rằng Thiên Chúa là Cha mọi người và mọi người là anh em (Is 64,7 Ml 2,10). Họ quan niệm lòng Chúa thương xót bao trùm mọi thực thể (Hc 18,13), nhưng chỉ những con cái công chính trong Israel mới được hưởng (Kn 12,19-22). Đối với Chúa Giêsu, “những kẻ bé nhỏ” biết hồi cải và thực thi ý Cha (Mt 21,31tt) sẽ bao gồm cả lương dân (Mt 25,32tt), những người sẽ thay thế “con cái Nước Trời” (Mt 8,12)

Israel mới đón nhận mọi người, nên Chúa Cha rộng ban ân phúc (Mt 6,26.32 7,11), trước hết là Chúa Thánh Thần (Lc 11,13) và bày tỏ lòng nhân từ bao la cho họ (Lc 15,11.32), chỉ cần họ khiêm tốn (Mt 23,9) sống như con (7,7-11) và tin tưởng nơi Ngài (6,25-34), noi theo



tình yêu phổ quát của Ngài (5,44t), biết tha thứ (18,33), nhân từ (Lc 6,36) và cả nên toàn thiện như Ngài (Mt 5,48).

## **CON CÁI ÁNH SÁNG**

*(CN 25 TN C – Lc 16,1-13)*

*“Con cái đời này khôn khéo hơn con cái ánh sáng khi xử sự với người đồng loại” (Lc 16,18)*

Đức Kitô là ánh sáng thế gian (Ga 9,5). Người xuất hiện và cuộc xung đột giữa tối tăm với ánh sáng nên rõ rệt, về phương diện luân lý (2Cr 6,14tt). Dưới mắt Người, loài người được chia thành “con cái thế gian” và “con cái ánh sáng” (Lc 16,8). Những kẻ làm điều ác thì trốn chạy ánh sáng (Ga 3,19tt) và trở nên con cái ánh sáng (12,36)

Trước kia, chúng ta sinh trong tối tăm (Ep 4,8). Nhưng Thiên Chúa đã kêu gọi (1Pr 2,9) và đưa chúng ta vào vương quốc ánh sáng (Cl 1, 12t). Trong Chúa, nay chúng ta là ánh sáng và phải sống như “con cái ánh sáng” (Ep 5,8 1Tx 5,5)

Sống như con cái ánh sáng, đó là điều Chúa Giêsu truyền dạy (Ga 12,35t). Đừng để ánh sáng nội tâm lu mờ, như chăm sóc con mắt (Mt 6,22t). Phải mặc lấy khí giới ánh sáng và vất bỏ những việc tối tăm (Rm 13,12t) để khỏi bị bắt chộp trong ngày của Chúa (1Tx 5,4-8). Cuộc sống như thế mang lại những hoa quả tốt lành, trái ngược hẳn với những công việc vô bổ của tối tăm (Ep 5,9-14). Bước đi trong ánh sáng còn dẫn tới hiệp thông với Thiên Chúa (1Ga 1,5t), và còn trở thành ánh sáng cho thế gian (Mt 5,14t)

Như vậy, bước đi trên đường ánh sáng, chúng ta hy vọng vào một cuộc biến hình trong Nước Chúa (Mt 13,43), sẽ được chiêm ngắm Chúa và được ánh sáng Ngài chiếu dọi (Kh 22,4t).

## **ÂM PHỦ VÀ HỎA NGỤC**

*(CN 26 TN C – Lc 13,22-30)*

*“Dưới âm phủ, người phú hộ đang chịu cực hình ngược mắt lên ...”*  
Lc 13,23)

Chúa Giêsu Kitô đã xuống âm phủ để giảng cho các linh hồn đang bị giam cầm (1Pr 3,19t). Người tội lỗi bị kết án xuống hỏa ngục (Mc 9,43-48). Hai từ ngữ, hai hành động, giả thiết hai hình trạng khác nhau. Âm phủ nơi Đức Kitô xuống đã mở cửa để những người bị giam cầm

thoát ra. Hỏa ngục, nơi người bị kết án phải xuống, nhốt họ đời đời (Mt 25,41).

Nhưng hai ý niệm âm phủ và hỏa ngục giống nhau, khi diễn tả vương quốc của sự chết (G 30,23). Nếu không có Đức Kitô, thế gian chỉ có một điếm tới là hỏa ngục và một đường dẫn tới là sự chết đầy quyền năng ! Nếu có một cái chết thứ hai (Kh 21,8) tách biệt khỏi cái chết thứ nhất, là vì Đức Kitô đã nhờ cái chết của Người mà bẻ gãy triều đại của Thần chết. Vì vậy, vào ngày chung thẩm, âm phủ và hỏa ngục nhập lại và trở về vị trí bình thường, được mô tả như là “hồ lửa” (Kh 20,14).

Những hình ảnh về âm phủ và hỏa ngục trong Cựu Ước còn mơ hồ và chưa có tính cách tuyệt đối. Chúa Giêsu Kitô dùng chỉ hình phạt đời đời. Dĩ nhiên, âm phủ hoặc hỏa ngục không là một nơi có thể định vị, nhưng là một thực tại của thế giới vắng bóng Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế, mà người phú hộ đã chọn (Lc 13,22tt) vì khước từ sống yêu thương (Mt 25,36-46).

## TIN VÀ HIỆU QUẢ LẠ LÙNG

(CN 27 TN C – Lc 17,5-10)

*“Nếu anh em có đức tin bằng hạt cải, thì ...”* (Lc 17,5)

Chúa Giêsu quả quyết đức tin có sức chuyên núi dời non (Lc 17,6 Mt 26,21). Tác giả thư gửi tín hữu Do thái dành cả chương 11 trình bày đức tin gương mẫu của các tổ phụ và cho thấy “đức tin là bảo đảm cho những điều ta hy vọng, là bằng chứng cho những điều ta không thấy (Dt 11,1). Các tổ phụ đã đạt tới điều các ngài mong đợi (11,4-39), “còn chúng ta hiểu rằng vũ trụ được hình thành bởi lời Thiên Chúa” (1,3)

Khuyến khích đặt niềm tin vào Thiên Chúa, Chúa Giêsu quả quyết : “Tất cả những gì anh em cầu xin, anh em cứ tin là mình đã được rồi, thì sẽ được như ý” (Mc 12,24 Mt 21,22). Đức tin giúp chúng ta thắng vượt thế gian (1Ga 5,4), kéo dài dào ân phúc xuống (1Tm 1,14), khiến chúng ta không còn phải khát (Ga 6,35), bởi vì tin vào Chúa, “thì có sự sống đời đời và khỏi bị xét xử” (Ga 5,24). Tin thì sẽ được phục sinh với Chúa Giêsu (Cl 2,12) và thấy được vinh quang Thiên Chúa (Ga 11,40). Đức tin quả đã mang lại những hiệu quả lạ lùng, không có đức tin thì không thể đứng vững (Is 7,9), nhưng tin thì cả mặt trời cũng phải tuân phục (Gs 10,12-14). Nhiều phép lạ đã xảy ra đối với những kẻ tin như người mắc bệnh phong (Mc 1,40-45), viên đại đội trưởng (Lc 7,1-10), người bị bệnh bại liệt (Mt 9,1-7), người đàn bà bị băng huyết và con gái viên thủ lãnh (Mt 9,18 –23) ...

Đặc biệt, Chúa Giêsu luôn thấy rõ niềm tin của chúng ta (Mt 9,2 Mc 2,3 Lc 5,8 Mc 2,25 Lc 5,20).

## PHONG CÙI

(CN 28 TN C – Lc 17,11-19)

*“Lúc Chúa Giêsu vào một làng kia, thì có mười người phong hủi đón gặp Người”*

Từ phong cùi trong tiếng Do thái chỉ các khuyết tật trên da. Người ta còn bao gồm cả các dấu vết trên quần áo và vết mốc trên tường (Lv 13,47-59 14,53) Việc xác nhận bệnh phong cùi thuộc quyền tư tế (Lv 13,2-3.9-10.19-20) việc chữa lành cũng phải được tư tế xác nhận (Lv 14,3 Lc 17,14) và phải dâng hy tế giống như hy tế đền tội. Nghi thức có gốc pháp thuật cải biến lại (Lv 14,47)

Phong cùi là nhơ bẩn và hình phạt của Thiên Chúa, nên phải dâng của lễ để chuộc tội. Phong cùi là tai họa Chúa dùng để phạt kẻ tội lỗi. Israel bị đe dọa về tai họa này (Đnl 28,27-35) dân Ai Cập (Xh 9,9tt) cũng như Myriam (Ds 12,10-15) và Ozias (2Sbn 26,19-23) bị Thiên Chúa trừng phạt. Như thế trên nguyên tắc, phong cùi là dấu chỉ của tội lỗi. Nhưng người Tội Tớ đau khổ bị Chúa phạt đến độ bị tránh xa như người bị phong cùi, là vì Người gánh lấy tội lỗi loài người, để nhờ các thương tích của Người, họ được chữa lành (Is 53,3-12 Tv 73,14)

Sự lành bệnh của người phong cùi có thể do phép lạ như trường hợp của Naaman (2V5) hay người được Chúa Giêsu chữa lành (Mt 8,1-4 Lc 17,11-19). Thực hiện phép lạ này, Chúa Giêsu tự mang lấy các bệnh tật của họ (Mt 8,17), đưa họ tái nhập vào cộng đoàn, và chứng tỏ Người thật là Đấng Cứu Thế (Mt 11,5).

## GÓA PHỤ

(CN 29 TN C – Lc 18,18)

*“Trong thành kia, có một ông quan tòa ... cũng có một bà góa ...”*  
(Lc 18,2-3)

Người góa phụ tiêu biểu cho sự bất hạnh (Is 47,9) : vì nỗi cô đơn (Br 4,12-26), vì chính y phục của họ (St 38,14 Gđt 10,3) cũng biểu lộ nét tang tóc của người hết hy vọng sinh nở và của người không được bảo vệ

Bất hạnh nên quả phụ cũng như kẻ mồ côi và ngoại kiều được che chở đặc biệt của luật (Xh 22,20-23 Đnl 14,28-29 24, 17-22) và của

Thiên Chúa (Đnl 10,17t), Đấng nghe lời họ than van (Hc 35,14t) và bảo vệ, phục thù cho họ (Tv 94,6-10). Khôn cho ai lạm dụng sự yếu đuối của họ (Is 10,2 Mc 12,40) Êlia và Chúa Giêsu trao lại cho các quả phụ con trai duy nhất của họ (Lc 7,11-15 1V 17,17-24). Giáo Hội sơ khai lo giúp đỡ các quả phụ (Cv 6,1). Nếu họ không còn bà con (1Tm 5,16 Cv 9,36-39). Cộng đoàn phải săn sóc họ như lòng đạo đức đòi hỏi (Gc 1,27 Đnl 26,12 G 31,16).

Thực sự, đời quả phụ có giá trị của nó. Đã có một sự mến chuộng đặc biệt đối với bà Giudít (Gđt 8,4-8 16,22) và bà Anna (Lc 2,36t).

Để tránh những nguy hiểm về đức hạnh, thánh Phaolô chấp nhận và ao ước cho các quả phụ còn trẻ tái hôn (1Cr 7,9-39) và 1Tm 5,13-15), nhưng vẫn đề cao đời quả phụ (1Cr 7,8), vì trinh nữ hay quả phụ có được sự tự do để dễ phục vụ Thiên Chúa hơn (7,34 1Tm 5,5).

## NGƯỜI THU THUẾ

(CN 30 TN C – Lc 18,9-14)

*“Có hai người lên đền thờ cầu nguyện ... Người thu thuế thì đứng đằng xa ... đấm ngực ..”* (Lc 18,10-13)

Thuế quá cảnh, thuế lợi tức đã được biết đến tại Israel từ thời Ba Tư (Er 4,13-20 7,24), nhưng đã được nâng thành hệ thống thời Rôma cai trị. Trên nguyên tắc, mỗi tỉnh thuộc Rôma làm thành một vùng quan thuế để thu tiền vào két của đế quốc tại Giêđêa có một bàn thu thuế kiểu này (Lc 19,1tt). Vài thành phố hay miền trực thuộc cũng đặt ra thuế quá cảnh để thu tiền riêng như ở Capharnaum thuộc quyền Hêrôđê (Mc 2,14). Người Rôma không cử viên chức thu thuế quá cảnh mà chỉ đặt những nhân viên thừa hành, và những người thu thuế (Publicanô) thuộc loại này.

Chỉ có Tin Mừng Nhất lãm nói đến tầng lớp này và cho thấy họ là nhân viên cấp dưới. Họ thường bị khinh ghét vì bị coi là những người đồng hóa với những bất công của chế độ. Nếu phục vụ cho kẻ xâm lăng, họ càng bị dân chúng căm ghét. Người thu thuế hầu như đồng nghĩa với tội nhân (Mt 18,17). Ngang hàng với gái điếm (Mt 21,31). Người ta khó chịu với những ai giao tiếp với hạng người này. Chúa Giêsu đã tiếp xúc họ và làm cho các luật sĩ và các người biệt phái bức tức (Mt 9,9 Lc 15,1). Thánh Gioan Tẩy Giả đã lôi kéo họ trước (Lc 3,12 7,29), rồi đến Chúa Giêsu (Lc 15,1). Người nói về họ khi thì có tính cách tiêu cực (Mt 5,46) khi lại có tính cách tích cực (Lc 18,9-24). Những người thu thuế

được nêu tên đích danh là Giakêu (Lc 16,2) và Lêvi hay Matthêu (Mc 2,14 Mt 10,3) quả là những mẫu gương đáng được chiêm ngưỡng.

## DA-KÊU

(CN 31 TN C – Lc 19,1)

“*Có một người tên là Da-kêu*” (Lc 19,1)

Da-kêu, tiếng Hilạp là Zakchaies, tiếng Do thái là Zakkai, có lẽ viết tắt từ chữ Zekarah như đã xuất hiện trong những bản danh sách (Er 2,9 Nkm 3,20), và có nghĩa là “Thiên Chúa nhớ đến”. Da-kêu là tên một viên tướng Giuđa (1Mcb 10,19x, bản dịch của cha Nguyễn Thế Thuấn)

Ông Da-kêu mà Lc 9,1-10 nhắc đến là một người “đứng đầu những người thu thuế” Giêrikhơ và “là người giàu có” (10,1). Nhưng cũng chính vì làm nghề thu thuế, lại còn là thủ lãnh của nhóm người cùng nghề, chắc chắn ông bị dân chúng khinh ghét như “những tội nhân” (Mt 9,10), như “dân ngoại đạo” (Mt 18,17), ngang hàng với “gái điếm” (Mt 21,31). Riêng với thân hình thấp bé (Lc 19,3). Da-kêu hẳn còn là đối tượng để người đời chế nhạo. Khi Chúa Giêsu vào Giêrikhơ, ông đã tò mò muốn biết mặt Người. Ông phải leo lên cây sung để đạt mục đích và được gọi xuống như một đứa trẻ. Truyện kể thật khôi hài.

“Tìm cứu những gì đã mất” (Lc 19,10) Chúa Giêsu xem ra đã có một sức lôi cuốn đặc biệt với những người thu thuế (Lc 15,1), như Lêvi (Mc 2,14) và trong trường hợp này là Da-kêu (Lc 19,1-10). Chính Người đề nghị để được nghỉ ở nhà ông (10,5) và cuộc gặp gỡ với Đấng Cứu Thế đã làm cho ông Da-kêu được biến đổi (10,8) và ơn cứu độ đã đến với ông cùng toàn thể gia đình (19,9).

## NHÓM XA-ĐỐC

(CN 32 TN C – Lc 20,27-38)

“*Khi ấy, có mấy người thuộc nhóm Xa-đốc đến gặp Chúa Giêsu*” (Lc 20,27)

Ông Xa-đốc theo gia phả (1Sb 6,4-15 35-38 24,6) là con của Eleazar, con của Aaron. Theo 2Sm 8,17 ông liên kết với Abiathar, tận trung với Đavít (2Sm 15,24-29 17,15-22 19,12) ủng hộ Salômôn (1V 1,7-8 32-40 2,27). Từ đây, dòng dõi ông là một gia tộc tư tế lớn mạnh nhất, cho tới thời Macabê, các thượng tế được cắt cử từ gia tộc này.

Nhóm Xa-đốc ra đời khoảng năm 200, kết hợp từ các gia đình tư tế giàu có, có khuynh hướng chấp nhận lễ thói Hi Lạp thời Hi Lạp

Macêdonia đô hộ. Thời Hêrôđê và các tông trấn, nhóm Xa-đốc giữ vai trò chủ yếu về mặt tôn giáo khá thích ứng với chế độ bảo hộ của ngoại bang. Với cái nhìn chính trị, họ nhìn Chúa Giê-su là một tay phiến loạn có thể khiến Rô-ma phản ứng (Ga 11,48). Khi nước Do thái mất, người ta không thấy nói tới họ nữa.

Về giáo lý, nhóm Xa-đốc coi trọng Ngũ Thư và phủ nhận truyền thống. Họ không tin sự sống lại (Mt 22,23-33 Cv 4,1-2 23,6-8) không tin có thiên thần (Cv 23,8), không tin có sự quan phòng.

Không tiếp xúc với đại chúng (trừ Mt 3,7 16,1-2), nhóm Xa-đốc ít gặp Chúa Giê-su. cuộc tranh luận quan trọng nhất họ gợi ra là vấn đề kẻ chết sống lại, với câu truyện tưởng tượng về người phụ nữ lấy 7 chồng mà không có con (Mt 12,18-27 Lc 20 27-40). Các tông đồ bị khổ vì họ xúc xiểm (Cv 5,17-40). Thánh Phaolô đưa vấn đề sống lại ra trước tòa khiến họ mâu thuẫn với nhóm biệt phái (Cv 23,6-10).

## LỄ TOÀN THIÊU

*(CN 33TN C – CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM)*

*“Thiên Chúa đón nhận họ như của lễ toàn thiêu” (Kn 3,6)*

Dưới cái nhìn của những người không hiểu biết, các vị tử đạo bị coi là vô phúc (Kn 3,2), như đã bị tiêu diệt (3,3). Thực ra họ, “ở trong tay Thiên Chúa” (3,1) vì Chúa “đón nhận họ như của lễ toàn thiêu” (3,6) và “họ đang hưởng an bình” (3,3). “Ai liều mất mạng sống mình vì tôi, thì sẽ cứu được mạng sống ấy” (Lc 9,24).

Theo tiếng Hip-ri, Oláh, của lễ toàn thiêu có nghĩa là “lên” (nghĩa là của lễ có khói hương bay lên Thiên Chúa) Tể vật bị thiêu “trộn” (Đnl 33,10 1Sm 7,9 Tv 51,21) không trở lại với người dâng lần tư tế.

Hiến vật là một con đực, không tật bệnh trong đàn gia súc (Lv 22,17-25). Người nghèo có thể dâng một con chim cưu hay một con chim gáy nhỏ (Lv 5,7 12,8 Lc 2,24). Người dâng phải ở trong tình trạng tinh tuyền theo nghi thức. Họ đặt tay trên đầu hiến vật rồi tự tay chọc tiết bên ngoài bàn thờ. Trong những lễ tế công khai, chỉ các tư tế thực hiện việc sát tế (2Sbn 29,22-24.34 Ed 44,11). Trái lại luôn luôn phải là vị tư tế rải máu quanh bàn thờ và đặt một phần hiến vật trên bàn thờ để hỏa thiêu bằng một ngọn lửa vĩnh cửu (Lv 6,5)

Người ta dâng lễ toàn thiêu để thanh tẩy khi sinh nở, bị phong cùi hoa liễu hay khi phát nguyện (Lv 12,6 14,1-32 15,1-5 Ds 6,9-12)

Thời Chúa Giêsu, người ta dâng lễ toàn thiêu sáng và chiều, nên gọi là “hi lễ vĩnh cửu” (Đn 8,11)

## **ĐẮNG KITÔ**

*(CN 34 TN C - ĐỨC KITÔ, VUA VỮ TRỤ - Lc 23,35-43)*

“ ... nếu thật hấn là Đấng Kitô của Thiên Chúa, là người được tuyển chọn” (Lc 23,35)

Đối với người Do thái, dầu thấm sâu vào thân thể (Tv 109,18) làm cho con người khỏe mạnh, vui tươi và xinh đẹp. Vì vậy, về phương diện tôn giáo, việc xúc dầu biểu lộ sự hân hoan hay tôn kính, cũng được dùng như một nghi thức chữa lành hay thánh hiến.

Đa số những trường hợp xúc dầu Cựu Ước nhắc đến đều là những nghi thức thánh hiến. Một số vật dụng trong phụng tự được xúc dầu thánh hiến, đặc biệt là bàn thờ (Xh 39,36t 30,26-29 Lv 8,10t và St 28,18 31,13 35,14). Việc xúc dầu phong vương giữ địa vị quan trọng nhất trong nghi thức thánh hiến. Tiên tri hay tư tế xúc dầu : cho Saolê (1Sm 10,1), cho Đavít (1Sm 16,13), cho Giêhu (2V 9,6), cho Salomon (1V 1,39), cho Gioas (2V11,12). Tuy nhiên việc xúc dầu chỉ đặt đúng tầm mức khi áp dụng cho Đấng Cứu Thế (Cv 4,25tt).

Chúa Giêsu chính là Đấng được xúc dầu. Tân Ước một lần nhắc đến việc xúc dầu của Chúa Giêsu trong cuộc đời trần thế của Người (Cv 10,38), khi Người chịu phép rửa. Việc xúc dầu phong vương diễn ra lúc đăng quang trên trời (Dt 1,9). Lúc khởi đầu tác vụ (Lc 4,18-21).Chúa Giêsu áp dụng cho mình bản văn (Is 61,1) và coi việc xúc dầu như việc xúc dầu cho một tiên tri để đi rao giảng sứ điệp. Nhưng dựa theo lời Chúa Giêsu (Mc 10,38 Lc 12,50) cộng đoàn thời tông đồ giải thích phép rửa trong viễn tượng cái chết của Đức Kitô (Cv 4,27 Rm 6,3t) sứ mạng lúc khởi đầu là sứ mạng rao giảng của tôi tớ - tiên tri (Is 4,1-7) sẽ hoàn tất trên núi sọ (1Ga 5,6) trong hi tế của Tôi tớ đau khổ.